

**Đại Phương Quảng Phật
Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một,
Tịnh Hạnh Phẩm
Phần 27
大方廣佛華嚴經
(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội
Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

Tập 1515

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, phần Tọa Thiền Quán, xem từ bài kệ tụng thứ hai.

(Kinh) Nhược phu sàng tòa, đương nguyện chúng sanh, khai phu thiện pháp, kiến chân thật tướng.

(經)若敷牀座。當願眾生。開敷善法。見真實相。

(Kinh: Nếu trải sàng tòa, nguyện cho chúng sanh, trải bày thiện pháp, thấy tướng chân thật).

Bốn nguyện trước nói về phương tiện tu hành; thật ra là nói về quy củ, tức là quy củ tiến nhập đạo tràng. Thấy nguyện này, chúng ta ắt cần phải hiểu, vào thời cổ, vì thuở ấy đức Thế Tôn giảng kinh này tại Ấn Độ. “Sàng tòa”: Có giường hay không? Có tòa hay không? Sàng tòa (牀座) là gì? Thuở đức Phật tại thế, các vị phải hiểu, Ngài sống cuộc đời “*giữa trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây*”. Dưới cội cây, tìm một ít cỏ để trải, đấy chính là “sàng tòa” của Ngài! Thông thường, cái “đệm” cỏ ở phía dưới hơi mềm, phía trên lại trải một thứ giống như tấm mềm, thuật ngữ trong Phật môn là Ni-sư-đàn (Nisīdana), nay chúng ta gọi là Cụ (具, tức tọa cụ). Quý vị thấy hiện thời ở Trung Hoa, tấm Cụ vô dụng! [Thuở trước], nó dùng để trải sàng tòa. Hiện thời, Cụ được dùng để làm gì? Dùng phủ lên cái đệm quỳ để lạy Phật. Chư vị thấy các vị xuất gia người Hoa, trong các đại pháp hội, khi Hòa Thượng lạy Phật ở chính giữa, có mở tọa cụ ra để phủ lên trên cái đệm quỳ. Chư vị phải hiểu nó vốn chẳng dùng để trải lên cái đệm quỳ, mà là để trải trên cỏ hòng tỉnh tọa hoặc ngủ ghe.

Vào thời Xuân Thu¹ tại Trung Hoa, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, gần như chẳng khác thời Khổng Tử cho mấy. Đức Phật xuất thế sớm

¹ Xuân Thu là một giai đoạn rối ren trong lịch sử Trung Hoa kéo dài từ năm 770 trước Công Nguyên cho đến năm 476 trước Công Nguyên trong thời trị vì của nhà Đông Châu. Trong thời

hơn Khổng Tử đôi chút. Khi đó, tại Trung Hoa cũng chẳng có giường, mà cũng chẳng có ghế tựa, ghế dài như trong hiện thời, đều chẳng có. Vì thế, có khách đến thì phải trải đệm ngồi. Đó là [biểu lộ] sự tôn trọng đối với khách. Nếu là quý khách, hoặc người tuổi tác đã cao, nhằm đặc biệt tôn trọng, sẽ bày “trùng tịch” (重席), bày hai tầng, tức là xếp hai cái đệm ngồi [chồng lên nhau]. Hiện thời, chư vị đến Nhật Bản có thể thấy phong tục ấy; trong chùa miếu của Nhật hãy còn giữ. Vì thế, chúng tôi qua lại với người xuất gia Nhật Bản, đến thăm viếng, họ chẳng có sofa, chẳng có ghế dựa, đều là ngồi trên chiếu trải dưới đất, ngồi trên tấm Tatami². Họ bày đệm ngồi cho quý vị, [nếu như] đặc biệt cung kính, bèn chồng hai cái đệm lên, quý vị có thể thấy [như thế đó]. Hiện thời chẳng giống [xưa kia], nay đã có giường, bàn, ghế rất thoải mái. Ở đây, [“sàng tòa”] không phải là giường đệm. Quý vị đến giảng đường, đến giảng đường vì muốn nghe kinh, muốn dụng công. Vì thế, ở trong các điện đường hiện thời, trong phần trước, tôi đã thưa trình cùng chư vị, giảng đường dành để nghe kinh, [để ngồi trong đó] cũng cần phải trải sàng tòa. “Cu” (tọa cụ) là do chính mình đem theo!

Trước kia, tại Trung Hoa, Niệm Phật Đường, Thiền đường, giới đường, cũng đều thuộc dạng kiến trúc trải tatami. Vì thế, Nhật Bản đã học từ Trung Hoa, [từ Trung Hoa] truyền qua đó. Hết sức khó có, họ còn giữ mãi cho đến hiện thời. Đây là chỗ chúng tôi cảm thấy đáng tôn kính nơi người Nhật, văn hóa truyền thống mấy ngàn năm vẫn được bảo tồn y như cũ. Đây là chính mình tự bày biện chỗ ngồi xong xuôi. Hiện thời, quý vị thấy Niệm Phật Đường ở lâu chín, dùng

đại này, thiên tử nhà Châu thế lực suy yếu, hầu như chỉ là hư danh, chư hầu tranh hùng. Nổi bật nhất là năm vị vua chư hầu thay nhau đứng làm minh chủ, thống lãnh chư hầu, chinh phạt những nước chư hầu trái lệnh. Sử gọi họ là Xuân Thu Ngũ Bá, tức Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công và Sở Trang Vương. Tên gọi Xuân Thu dựa theo bộ lịch sử nước Lỗ do Khổng Tử san định. Các sử gia coi thời kỳ này bắt đầu kể từ khi Châu U Vương (Cơ Cung Niết) say mê mỹ nhân Bao Tự, toan giết trưởng tử là thái tử Cơ Nghi Cữu. Ông ngoại của Nghi Cữu là Thân Hầu bèn dẫn quân Khuyển Nhung xâm lăng, đốt phá Cảo Kinh, giết chết U Vương, đưa Nghi Cữu lên ngôi, tức Châu Bình Vương. Do kinh thành bị tàn phá nặng nề, Châu Bình Vương phải dời đô từ Cảo Kinh sang Thành Câu (Lạc Ấp, tức Lạc Dương ngày nay), Sử gọi là nhà Đông Châu. Nhà Châu mất dần thế lực, có khi chư hầu không thèm tiến cống. Giai đoạn rối ren này kết thúc khi ba họ quý tộc Hàn, Triệu, Ngụy diệt vua Tấn, chia nước Tấn thành ba nước Hàn, Triệu, Ngụy, mở ra thời đại Chiến Quốc, tức thời đại bảy nước chư hầu lớn (Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Yên, Sở, Tần) đánh nhau tàn nhẫn, kịch liệt hơn nữa. Trong thời Xuân Thu, có đến ba mươi sáu vua chư hầu bị quân thần giết, hay bị địch quốc sát hại, năm mươi hai nước chư hầu bị diệt vong, hơn bốn trăm tám mươi cuộc chiến lớn nhỏ. Danh xưng của bộ sử Xuân Thu lại bắt nguồn từ cỗ tục. Do Trung Hoa là nước nông nghiệp, những đại sự của triều đình thường được cử hành vào mùa Xuân hay mùa Thu để tránh thời vụ. Vì thế, những sự kiện lịch sử được ghi chép lại đều gọi là Xuân Thu Truyện.

² Tatami là cách phát âm của người Nhật đối với chữ 畳 (Điệp, nghĩa là cái đệm chồng lên). Đây là một thứ thảm trải, bện bằng sợi rơm, hoặc sợi cỏ, tuy hiện thời dùng thêm các vật liệu khác. Một tấm tatami có hình chữ nhật, chiều dài thường gấp đôi chiều rộng. Mép tatami thường được viền vải. Thông thường, trong nhà xây theo lối truyền thống, họ dùng các tấm tatami ghép lại để lót nền nhà. Hiện thời, do tiện bảo quản, chỉ có một hai phòng trong nhà là thiết kế theo lối trải nền bằng Tatami.

đệm quỳ, sắp đặt ngay ngắn. Quý vị đến đó, tìm chỗ ngồi, chẳng cần phải trải tòa. Xưa kia thì phải trải tòa, Niệm Phật Đường xưa kia cũng là như thế đó. Thiên đường, giảng đường đều trống rỗng, trong ấy chẳng có gì hết, chính quý vị phải mang đệm theo để lót.

Người xuất gia bước vào điện đường, cũng chẳng phải là quý vị đã xuống tóc, đã thọ giới liền có thể tiến nhập giảng đường, hoặc Niệm Phật Đường. Trong phần trước, [kinh Hoa Nghiêm đã gọi chung các loại “đường”] là “đường vũ” (堂宇, điện đường). Quy củ của người xuất gia là sau khi đã xuống tóc, sẽ học giới năm năm. Kẻ mới xuất gia chưa tròn năm năm, chẳng thể nhập đường. Vì sao? Nói theo kiểu hiện thời, quý vị phải làm công quả trong chôn thường trụ. Trước kia, làm công quả chẳng phải là tại gia cư sĩ. Tại gia cư sĩ [làm công quả] cũng có, họ tình nguyện đến, [nhưng là] thiếu số. Ai sẽ đảm nhiệm những công việc tạp vụ của thường trụ? Kẻ mới xuất gia; đây là chánh xác. Mới xuất gia, quý vị phục vụ thường trụ năm năm để tu phước! Ai cũng chẳng thể không có phước, phước phải nhờ vào chính mình tu! Năm năm học Thập Thiện Nghiệp Đạo, học Tam Quy, Ngũ Giới, Sa Di Luật Nghi, học những thứ ấy, phải hoàn toàn thực hiện. Vì thường trụ phục vụ, thường trụ sẽ giao việc cho quý vị. Trước kia, một tự viện từng lâm lớn, đông người, có hai, ba ngàn người, nhỏ thì cũng là hai, ba trăm người! Một đạo tràng to ngàn ấy, đương nhiên là chuyện tạp vụ trong sinh hoạt rất nhiều. Khi mới xuất gia, [những vị chấp sự] sẽ phân chia công việc cho quý vị.

Như chúng ta đã thấy trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đến Hoàng Mai tham học. Quý vị thấy Ngũ Tổ giao công việc cho Ngài: Giã gạo, bửa củi trong phòng xay xát. Khi đó, trong tự viện cũng có hơn một ngàn người sống, hằng ngày ăn uống thì gạo cần phải xay. Sau khi đã xay, lại phải giã, giã cho sạch cám. Nhiên liệu là củi đốt, đại khái là Ngài không cần phải đi đẵn củi, đã có người chuyên môn đẵn củi. Sau khi củi được chuyển về, phải chẻ củi. Vì thế, công việc của Ngài là bửa củi, giã gạo. Chẳng phải là vừa xuất gia bèn có thể nghe kinh, có thể niệm Phật trong Niệm Phật Đường, hoặc tham Thiền trong Thiền đường, chẳng phải vậy! Những công việc của thường trụ do ai làm? Ai sẽ hầu hạ quý vị? Kẻ mới xuất gia phải hầu hạ người xuất gia đã lâu. Sau năm năm, họ mới có tư cách nhập đường. Đây chính là đã thọ Cụ Túc Giới. Trong phần trước đã có nói, đều là đã thọ Cụ Túc Giới thì mới nhập đường.

“*Nhập đường*” thì trong các điện đường, có hai môn, một là Giải Môn, hai là Hạnh Môn. Hạnh Môn tuy nhiều, nhưng nói chung, chẳng ngoài tham Thiền và niệm Phật. Đây chính là điện đường thuộc loại Hạnh Môn. Trong Giải Môn là giảng đường, giảng đường để nghe kinh, học Giáo. Chư vị phải biết tự, viện, am, đường là trường học, học trò phải đi học, thầy phải dạy. Vì thế, Niệm Phật Đường và Thiền đường đều có vị Đường Chủ lãnh chúng, [tức là người] hướng dẫn mọi người tu hành. Trong giảng đường có A Xà Lê giảng kinh, dạy học. Hằng ngày đều phải lên lớp, giải hạnh tương ứng! Trong đại tự viện, không chỉ có một giảng đường, mà là rất nhiều. Ví như trong chùa có hơn một ngàn người, mỗi cá nhân mong mỗi học những thứ khác nhau; do vậy, có rất nhiều giảng đường. Đảm

nhiệm việc giáo học là vị Thủ Tọa Hòa Thượng. Thủ Tọa Hòa Thượng không chỉ có một vị. Tùy thuộc nhu cầu của đạo tràng, họ có thể thỉnh vài vị Thủ Tọa Hòa Thượng. Thủ Tọa Hòa Thượng là A Xà Lê, đảm nhiệm giáo học. Nếu có kẻ thích tham Thiền, trong đạo tràng ấy có Thiền đường, cũng có Niệm Phật Đường, họ có thể mời mấy vị Đường Chủ. Đó là [trách nhiệm] của vị Phương Trượng Hòa Thượng. Phương Trượng Hòa Thượng là Thân Giáo Sư. Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, bản thân Ngài không cần phải lên lớp, Ngài mời thầy. Tiếng Phạn gọi những vị thầy ấy là Xà Lê (Ācārya), người Hoa thường gọi họ là “*pháp sư*”.

Trải tòa: Khi trải tòa bèn phát nguyện, “*đương nguyện chúng sanh*”. Nguyện trong Hoa Nghiêm to lớn, đúng là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. “*Khai phu thiện pháp, kiến chân thật tướng*” (Trải bày thiện pháp, thấy tướng chân thật): Trải tòa, mở tám Ni-sư-đàn ra, “trải ra” biểu thị chúng ta phải phô bày “*thiện pháp*”. Thiện pháp là gì? Thiện pháp cũng có cấp bậc. Nói theo Phật pháp, sẽ là ngũ thừa, thiện pháp trong ngũ thừa khác nhau. Thiện pháp của nhân thừa là Ngũ Giới, Thập Thiện. Thiện pháp của thiên thừa là thượng phẩm Thập Thiện, Tứ Vô Lượng Tâm. Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả. Thiện pháp của Thanh Văn là Tứ Đê. Thiện pháp của Duyên Giác là Thập Nhị Nhân Duyên. Thiện pháp của Bồ Tát là Lục Độ vạn hạnh, khác nhau. Nhưng đoạn sau trong phần này nói “*kiến chân thật tướng*”, thấy tướng chân thật chính là cảnh giới nơi quả địa Như Lai, đã chứng đắc Thật Tướng của các pháp. Chúng ta có thể nói [“*chân thật tướng*”] là “*thiện pháp tuyệt đối*”. Thật Tướng của các pháp [chính là] chân tướng của hết thảy các pháp, [là] tướng chân thật. Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không. Pháp được gọi là “*diệu pháp*”, diệu ở chỗ nào? Không và Hữu bất nhị, Tánh và Tướng như một; đây là diệu! Đây mới gọi là “*kiến chân thật tướng*”.

Trạng huống sau khi đã thấy tướng chân thật là gì? Thưa cùng chư vị, quyết định là chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hễ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thấy tướng chân thật. Người thấy tướng chân thật, chắc chắn sẽ giữ tám lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; đó là chân tâm. Hết thảy chư Phật và hết thảy chúng sanh đều bình đẳng trọn đủ; Phật có, hết thảy chúng sanh cũng có. Nhưng Phật có, Phật hiện tiền, Ngài thật sự khởi tác dụng. Chúng sanh tuy có, do đã mê, tuy có mà chẳng biết, sau khi đã mê, họ bèn dụng tâm sai lầm. Quý vị thấy Phật giác ngộ, Pháp Thân Bồ Tát giác ngộ, các Ngài dùng cái tâm chân thành; bọn phàm phu chúng ta mê hoặc, điên đảo, dùng cái tâm hư vọng. Pháp Thân Bồ Tát dùng cái tâm thanh tịnh, bọn phàm phu chúng ta dùng cái tâm ô nhiễm. Ô nhiễm là gì? Tham, sân, si là ô nhiễm, ích kỷ là ô nhiễm, tiếng tăm, lợi dưỡng là ô nhiễm, dùng cái tâm ô nhiễm! Người giác ngộ dùng cái tâm bình đẳng, kẻ mê dùng cái tâm cao thấp: “Ta luôn cao hơn kẻ khác, kẻ khác chẳng bằng ta!” Kiêu căng, ngạo mạn, đó là phàm phu. Bạc giác ngộ dùng cái tâm chánh giác, kẻ mê dùng cái tâm mê hoặc. Bạc giác ngộ đại từ đại bi, kẻ mê thì ích kỷ, chẳng giống nhau! Dụng tâm khác nhau, quả báo chẳng giống nhau!

Do vậy, dụng tâm chánh đáng; quý vị thấy trong phẩm kinh này, khi Văn Thù Bồ Tát trả lời [Trí Thủ Bồ Tát], câu đầu tiên bèn nói: “*Nhược chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm*” (Nếu các vị Bồ Tát khéo dùng cái tâm). “*Khéo dùng cái tâm*” là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi; đây là tổng cương lĩnh. Ứng dụng nơi sự tướng, trong cuộc sống hằng ngày, sẽ là một trăm bốn mươi một nguyện. Quý vị thấy người ta dùng cái tâm gì mà thấy tướng chân thật? Đã thấy tướng chân thật, quý vị còn có tà tri tà kiến hay không? Quý vị còn có sai quấy hay không? Chẳng có! Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, quyết định chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng khởi tâm động niệm; chúng ta hãy nên học tập điều này. Vì sao? Trở về tự tánh.

Vì sao các Ngài có thể, mà ta chẳng thể? Đối với chỗ này, phải sanh tâm hổ thẹn. Phải biết ta vốn cũng là Pháp Thân Bồ Tát, vốn cũng là Phật, có sao đọa lạc đến nỗi này? Đức Thế Tôn đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Vì sao đọa đến mức độ này? Do vì vọng tưởng, chấp trước, cho nên chẳng thể chứng đắc! Chúng ta học điều này như thế nào? Nay chỗ chúng ta ngồi không cần phải bày đệm, nhưng tối ngủ vẫn phải trải giường, vẫn phải kê gối, đây là tương tự [như “trải sàng tòa”], chúng ta cũng có thể phát nguyện này hay không? Vì thế, nhất cử nhất động của các Ngài, quý vị thấy các Ngài tiến vào giảng đường bèn phát nguyện, “*thăng vô thượng đường, an trụ bất động; khai phu thiện pháp, kiến chân thật tướng*” (lên nhà vô thượng, an trụ bất động, trải bày thiện pháp, thấy tướng chân thật). Niệm nào cũng tương ứng Bồ Đề đạo, niệm nào cũng chẳng lìa Bồ Đề đạo. Bồ Đề đạo là “*thành Phật chi đạo*”. Hoa Nghiêm là Nhất Thừa giáo, Nhất Thừa giáo là “*thành Phật chi đạo*”. Bài kệ thứ ba:

(Kinh) Chánh thân đoan tọa, đương nguyện chúng sanh, tọa Bồ Đề tòa, tâm vô sở trước.

(經)正身端坐。當願眾生。坐菩提座。心無所著。

(Kinh: Khi ngồi ngay ngắn, nguyện cho chúng sanh, ngồi tòa Bồ Đề, tâm chẳng chấp trước).

Sau khi đã xếp đặt chỗ ngồi xong xuôi, hãy khéo ngồi xuống. Trong Thiên đường cũng là ngồi xuống như vậy, “*chánh thân đoan tọa*”, mà trong Niệm Phật Đường cũng là ngồi xuống như vậy. Giảng đường lại càng chẳng cần phải nói, ngồi sao cho đoan chánh. Trước hết bèn ngồi xuống. Khi ấy, trong tâm quý vị hãy quán tưởng “*tọa Bồ Đề tòa*” (ngồi tòa Bồ Đề). Chúng ta ngồi ở chỗ này, phải tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, cũng dùng cỏ tươi để lót chỗ ngồi. Bọn phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ Đề trải chỗ ngồi bằng cỏ, nhưng chư thiên Tịnh Cư, đúng là chẳng giống chúng ta, chư thiên Tịnh Cư đều thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi trên tòa báu kim cương. Bọn phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật trải một tầng cỏ, ngồi trên cái đệm cỏ ấy, cảnh giới khác nhau! Chư thiên Tịnh Cư là Tam Quả A Na Hàm, còn chưa chứng quả A La Hán. Các Ngài là thánh nhân, được gọi là Bất Hoàn, [có nghĩa là] “*chẳng đến thế gian nữa*”. Vì sao lần này lại đến? Do thấy Thích Ca Mâu Ni

Phật thị hiện thành Phật, chẳng có ai khả thỉnh. Vấn đề này nghiêm trọng! Nếu không có ai khả thỉnh, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ nhập Niết Bàn! Họ trông thấy, thật sự phát tâm đại từ bi, thay cho người đời khả thỉnh. Công đức ấy vô lượng vô biên! Nếu chẳng do họ khả thỉnh, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ chẳng trụ thế.

Quý vị biết: Do được khả thỉnh như vậy, đức Thế Tôn trụ thế tám mươi năm, vì mọi người giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Cái duyên ấy do chư thiên Tịnh Cư đã kết cho chúng ta. Đức Thế Tôn giáo huấn chúng ta chẳng phải là do công đức khả thỉnh của chư thiên Tịnh Cư ư? Chúng ta cũng phải học, phải biết học chỗ này. Gặp bậc thiện tri thức thật sự, ở nơi đây chẳng có ai nhận biết, nếu quý vị nhận biết, thật sự liễu giải vị ấy, sẽ nhất định khả thỉnh vị ấy đến nơi đây giảng kinh, thuyết pháp. Người cả vùng này do nghe kinh, đắc độ, đều là do công đức khả thỉnh của quý vị. Các đồng học học Phật chúng ta nhất định phải hiểu điều này! Nếu vị đại đức ấy, chúng tôi nói “*đại đức*”, không nói “*pháp sư*”, vì bao gồm tại gia cư sĩ. Tại gia cư sĩ thật sự hữu tu, hữu học, sự tu hành của vị ấy có thể làm gương cho chúng ta, học vấn của vị ấy đáng làm thầy chúng ta, thì sao? Chúng ta phải “*thỉnh Phật trụ thế*”, giữ vị ấy ở nơi đây, thỉnh vị ấy dạy dỗ chúng ta lâu dài ở nơi đây! Trong mười nguyên, Phổ Hiền Bồ Tát đã dạy chúng ta “*thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế*” là do ý nghĩa này. Vì thế, người tại gia mà có đức hạnh như thế thì phải thỉnh!

Đầu thời Dân Quốc, lão cư sĩ Mai Quang Hy, lão cư sĩ Hạ Liên Cư, lão cư sĩ Dương Nhân Sơn, cư sĩ Âu Dương Cán Vô, chẳng ít vị đại đức. Trong sự cảm nhận của chúng tôi, những vị ấy đều là Phật, Bồ Tát hiện thân cư sĩ. Đáng nên dùng thân cư sĩ để độ, bèn hiện thân cư sĩ để thuyết pháp. Có cần thỉnh các vị ấy giảng kinh hay không? Cần chứ! Có cần thỉnh các vị ấy thường trụ ở nơi đây để giáo hóa chúng ta hay không? Cần! Do vậy, nhân duyên chín muồi, chớ nên bỏ qua chuyện này, công đức to lớn. Nay chư vị đều hiểu, chúng ta lạy Lương Hoàng Sám, đả Phật thất, đả Thiên thất, làm một khóa Thủy Lục, công đức rất lớn. [Thế nhưng] tất cả hết thấy các pháp sư đều chẳng có công đức to bằng thỉnh pháp sư giảng kinh! Phải hiểu đạo lý này. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị tra duyệt khắp Đại Tạng Kinh, [sẽ thấy] Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng đả Thiên thất, chẳng đả Phật thất, mà cũng chẳng làm pháp hội Thủy Lục. Lão nhân gia suốt đời giảng kinh, giáo học, đấy chẳng phải là đã bảo ban rất cần kẽ ư? Những hoạt động Phật sự ấy đều do các vị tổ sư đại đức đời sau đề xướng. Quý vị thấy bất cứ loại hoạt động nào cũng đều căn cứ trên sự giáo hóa của kinh giáo nhà Phật, chẳng lìa khỏi.

Tông Môn, Giáo Hạ, tất cả các phương pháp tu hành đều căn cứ trên kinh luận. Các thứ pháp hội siêu độ đều là hội tập những giáo huấn trong các kinh luận. Tu pháp hội ấy, thường nói là “*minh dương lưỡng lợi*” (冥陽兩利, chôn âm ty và chôn dương gian đều được lợi ích). Không chỉ là chúng sanh trong cõi u minh được lợi ích, mà các đồng tu hiện diện ai nấy đều được lợi ích. Trước kia là như vậy, nay thì có vấn đề. Vấn đề ở chỗ nào? Hiện thời chỉ chú trọng hình thức, quên bằng thực chất. Thực chất là gì? Ngay như khi chúng ta làm Tam Thời Hệ Niệm, đều có quý thân dựa vào thân thầy đồng để chuyển lời, mong tôi nói với các đồng

học: “Hễ làm Tam Thời Hệ Niệm thì phải nên *“tùy văn nhập quán”*, chúng sanh trong cõi u minh mới được lợi ích”. Nếu chẳng biết tùy văn tác quán, lợi ích rất mỏng, chẳng đạt được lợi ích gì. Đây là do người hiện thời làm pháp hội chẳng bằng cổ nhân. Vì sao? Cổ nhân xác thực tùy văn nhập quán, niệm đến chỗ nào, cảnh giới ấy thật sự hiện tiền; do vậy, có lợi ích. Bởi lẽ đó, nếu chúng ta làm pháp hội, ắt cần phải giảng tường tận nghi quy ấy một lượt. Vì sao? Khi làm pháp hội, niệm đến đâu, quý vị có thể quán tưởng, đó là *“tùy văn nhập quán”*. Do đó, trong những năm qua, chúng tôi đề xướng Tam Thời Hệ Niệm, đã giảng về Tam Thời Hệ Niệm.

Đồng học tu Tịnh Độ, các vị hàng ngày thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ đã được giảng. Nhất định là trước hết nghe giảng, đã hiểu ý nghĩa, khi niệm sẽ khởi tác dụng. Chẳng hiểu ý nghĩa, khi quý vị niệm, công phu tốt nhất sẽ như thế nào? Khi niệm kinh, chẳng dấy vọng tưởng; đây là Định, chẳng có cách nào tùy văn tác quán. Nếu quý vị nghiên cứu kinh này đã thông hiểu, khi quý vị đọc tụng kinh này, sẽ có Định, có Huệ. Huệ là Quán, tức Quán Huệ. Có Định và Huệ, sẽ có Giới trong ấy. Do vậy, quý vị niệm một tiếng đồng hồ, trong một tiếng đồng hồ ấy, đã tu đồng thời Tam Học Giới, Định, Huệ, đồng thời hoàn thành. Đương nhiên là có công đức, bản thân quý vị được lợi ích, mà quý thân cũng được lợi ích. Vì thế, chúng ta tụng kinh, niệm Phật, hễ chẳng thể tương ứng với Tam Học Giới, Định, Huệ, công đức sẽ ít ỏi. Suy nghĩ sẽ biết, chẳng cần nghĩ tới ai khác, cứ nghĩ về chính mình: Niệm Phật, tọa Thiền, học tập kinh giáo mà vọng tưởng chẳng đoạn! Ra khỏi giảng đường, ra khỏi Phật đường, phiền não hiện tiền, tâm không thanh tịnh, chẳng thể gìn giữ!

Chúng ta niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, đại khái phải mất một tiếng đồng hồ. Trong một tiếng đồng hồ, tu cái tâm thanh tịnh, vọng tưởng tạp niệm đều buông xuống. Có thể giữ được cái tâm thanh tịnh bao lâu? Có thể giữ mười tiếng đồng hồ hay không? Mười tiếng đồng hồ chẳng được, có thể giữ năm tiếng đồng hồ hay không? Năm tiếng đồng hồ vẫn chẳng được; có thể giữ hai tiếng đồng hồ hay không? Quý vị cứ tiến dần dần. Đang trong lúc tụng kinh, tâm chẳng thanh tịnh, vẫn dấy lên vọng tưởng, quý vị làm sao giữ cái tâm thanh tịnh cho được? Từ chỗ này, sẽ biết bản thân chúng ta đạt được bao nhiêu lợi ích. Sau đây, quý vị mới nghĩ quý thân có thể đạt được bao nhiêu lợi ích. Kinh Địa Tạng đã dạy rất hay: Trong Phật sự siêu độ, chính mình được lợi ích sáu phần bảy, quý thân được siêu độ chỉ được hưởng một phần bảy. Vì sao làm một thời Phật sự phải thỉnh bảy vị pháp sư? Bảy vị pháp sư, ví như niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, quý thân được siêu độ chỉ hưởng một bộ, tức một phần bảy. Do bảy người, họ mới được hưởng trọn phần. Người niệm kinh được sáu phần, họ được một phần. Do vậy, tùy văn nhập quán trọng yếu, bất luận tu học pháp môn nào, đây là đại tiền đề. Hiện thời, xác thực là người nói [chuyện này] chẳng nhiều, kẻ biết tới càng ít. Vì thế, tuy hàng ngày thực hiện công phu mà chẳng đắc lực!

Chúng ta cũng đã làm khá chu toàn chuyện này, nhưng đạo tràng vẫn cứ sơ sót y như cũ! Trong quá khứ, tôi đã từng nói, chẳng thể nói hoài. Nói hoài, người ta sẽ bảo tôi cứ lái nhải. Ví như làm Tam Thời Hệ Niệm Phật sự, trước khi

làm một tuần, nhất định phải đem nghi quy Tam Thời Hệ Niệm nghe một lượt! Hiện thời có đĩa CD, hãy nghe kỹ càng một lượt. Sau khi đã nghe xong, quý vị mới bắt đầu làm. Tâm cảnh của quý vị sẽ khác hẳn, niệm đến chỗ nào, biết ý nghĩa là gì. Vì thế, hiện thời xác thực là mỗi ngày phải nghe kinh, mỗi ngày phải niệm Phật. Kẻ sơ học công phu chưa đắc lực, phải đổ công sức nghe kinh nhiều hơn, ngộ hầu hiểu rành rẽ, hiểu rõ ràng. Kẻ công phu đã đắc lực bèn dụng công dốc sức niệm Phật nhiều hơn. Có còn phải nghe kinh hay không? Phải nghe! Vì sao? Làm Ảnh Hưởng Chúng. Người ta thấy quý vị tu rất khá, [sẽ nói]: “Quý vị thấy người đó [tu hành tinh tấn như vậy mà còn] hằng ngày nghe kinh, ta tu hành chẳng nên thân, làm sao có thể chẳng nghe kinh cho được?” Ảnh hưởng người khác. Quý vị thật sự tu rất khá, tâm vô nhị dụng, tuy ngồi nơi đó nghe kinh, trong tâm quý vị vẫn niệm Phật, Phật hiệu của quý vị chẳng gián đoạn, ngồi ở đó làm Ảnh Hưởng Chúng, đấy là Bồ Tát. Bồ Tát phát tâm, chỗ nào cũng đều giúp đỡ người khác. Chỗ nào cũng đều dẫn dắt kẻ khác!

Vì thế, “*chánh thân đọa tọa*”, quý vị ngồi vào chỗ của mình, bất luận hiện thời là Thiên đường, Niệm Phật Đường, hay giảng đường, đều có chỗ ngồi. Ngồi vào chỗ bèn “*đương nguyện chúng sanh, tọa Bồ Đề tòa*” (nguyện cho chúng sanh, ngồi tòa Bồ Đề). “*Bồ Đề tòa*” là tòa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*giác ngộ*”. Tâm chỉ cần giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, chỗ quý vị ngồi sẽ được gọi là “*Bồ Đề tòa*”, không nhất định phải tìm đến cội cây Bồ Đề. Bất cứ chỗ ngồi nào, nơi Bồ Tát ngồi sẽ là Bồ Đề tòa. Vì sao? Ngài có Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là gì? “*Tâm vô sở trước*” (Tâm chẳng chấp trước), tịnh chứ chẳng nhiễm, chánh chứ không tà, giác chứ không mê, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu ra cương lĩnh tu học. Đấy là tổng phương hướng, tổng mục tiêu, là nguyên tắc chỉ đạo chung! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiền Giáo hay Mật Giáo, đều chẳng thể lìa khỏi cương lĩnh này. Hễ lìa khỏi cương lĩnh này, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Tương ứng với cương lĩnh ấy, tòa ấy chính là Bồ Đề tòa, chỗ quý vị ở sẽ là “*vô thượng đường*”. Vô thượng đường ở chỗ nào? Chỗ Bồ Tát ở chính là vô thượng đường, chỗ Bồ Tát ngồi chính là Bồ Đề tòa. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này!

Trong giáo pháp Đại Thừa tu gì vậy? Tu “*tâm vô sở trước*” (tâm chẳng chấp trước). Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Trong phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy rõ ràng dường ấy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”, câu nói ấy đã quá rõ ràng! Nếu nay tâm chúng ta chẳng chấp trước, chẳng phải là trí huệ và đức tướng giống như hết thấy chư Phật đều hiện tiền ư? Phật, Bồ Tát từ bi, từ bi đến tột bậc, chẳng hề giấu giếm mảy may! Nếu quý vị thật sự hiểu, đó gọi là “*ngay lập tức bèn đảnh đương*”, quý vị hoàn toàn tiếp nhận, sẽ lập tức thành Phật. “*Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*” (Buông dao mổ xuống, ngay lập tức thành Phật). Dao mổ là tỷ dụ, tỷ dụ điều gì vậy? Tỷ dụ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị chỉ cần buông xuống những thứ ấy, sẽ ngồi tòa Bồ

Đề. Vì sao chẳng buông xuống được? Nếu quý vị chẳng buông xuống được, Bồ Đề tâm sẽ vĩnh viễn chẳng thể hiện tiền, quý vị học Phật nổi gì!

Hai nguyện sau nói đến pháp tu tập của Bồ Tát. Nguyện thứ tư nói về Định, nguyện thứ năm nói về Quán. Quán là Huệ, chẳng có gì khác! Bốn điều trước thuộc về Giới, là quy củ, là tiền phương tiện. Quý vị nhìn vào sự tu học của họ, có phải là Tam Học Giới, Định, Huệ hay không? Nay chúng ta tu hành, chẳng lãnh ngộ nguyên tắc này! Chẳng tương ứng với nguyên tắc này, sẽ là như cỏ nhân đã nói, lời lẽ rất khó nghe! “*Tu mù luyện đui!*” Tuy rất dụng công, công phu chẳng đặc lực. Công phu chẳng đặc lực thì phải biết là do quý vị chẳng đoạn tập khí phiền não, thành thử công phu chẳng đặc lực. Nếu công phu đặc lực, tập khí phiền não sẽ ngày một ít đi, trí huệ ngày một tăng trưởng. Đó gọi là “*phiền não khinh, trí huệ trưởng*” (phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng). Đây là trạng huống công phu đặc lực. Phiền não vẫn y như cũ, thậm chí phiền não còn tăng trưởng, trí huệ sẽ chẳng có. Thật đấy, chẳng giả tí nào!

Nếu quý vị hơi lưu ý, nơi nơi chồn chồn quý vị đều có thể trông thấy! Trong đạo tràng có người làm công quả, khi họ chẳng làm công quả, phiền não nhẹ nhàng, có chút trí huệ. Vừa làm công quả, phiền não hiện tiền, chẳng có trí huệ! Khi người ta chẳng có chuyện gì, tâm khá thanh tịnh, dễ dàng thanh tịnh. Do vậy, tu hành trong thời cổ, năm năm đầu học Giới! Sau đấy, tiến nhập các điện đường, họ sẽ buông xuống, làm đại chúng thanh tu! Kẻ học Giáo thì hằng ngày nghe kinh, nghiên cứu Giáo, chuyên chú nơi giáo lý, họ sẽ buông xuống trong giảng đường. Kẻ niệm Phật tu nhất tâm bất loạn. Kẻ tham Thiền bèn học “*tâm chẳng trụ vào đâu*”, công phu sẽ dần dần đi vào nề nếp. Hiện thời, chẳng dễ tìm được một hoàn cảnh như vậy, chẳng tìm thấy! Vì thế, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta nếu làm Niệm Phật Đường, đừng vượt quá hai mươi người, có lý lắm! Quý vị thật sự tu! Nếu đông người, sẽ trở thành náo nhiệt, chẳng thể thanh tịnh. Không vượt quá hai mươi người, chính là sự chỉ đạo cao minh nhất! A! Bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xem bài kế kế tiếp là bài thứ tư:

(Kinh) Kết già phu tọa, đương nguyện chúng sanh, thiện căn kiên cố, đắc bất động địa.

(經) 結跏趺坐。當願眾生。善根堅固。得不動地。

(Kinh: Khi ngồi xếp bằng, nguyện cho chúng sanh, thiện căn kiên cố, đạt bất động địa).

“*Già phu*” (跏趺) chính là “ngồi xếp bằng” như thế tục thường nói: Trước hết, ngồi xuống, sau đấy xếp chõng hai chân. Quý vị thấy tư thế ngồi này được nói rất cặn kẽ. Bài kệ trước là ngồi xuống, sau khi đã ngồi, lại khoanh chân xếp bằng. Nói thật ra, ngồi xếp bằng ôn hòa nhất. Có thể ngồi trong một thời gian lâu, chẳng mệt. Diện tích phía dưới lớn, sẽ ngồi rất ổn, rất thoải mái. Tư thế ngồi này phải luyện tập từ lúc trẻ, chứ tuổi đã cao, xương đã cứng, huyết mạch chẳng

lưu thông thông suốt, chẳng có trở ngại gì như khi còn trẻ. Vì thế, quý vị ngồi lâu sẽ bị tê. Nguyên nhân gây tê là do huyết mạch và huyết khí không thông, bị chèn ép! Tuổi càng trẻ, đùi còn mềm, ngồi thành thói quen, quý vị sẽ cảm thấy rất thoải mái! So với hiện thời chúng ta ngồi ghé tựa, buông hai chân xuống, gọi là “ngồi thông chân” thì thoải mái hơn nhiều. Do vậy, nhất định phải dưỡng thành thói quen. Người tuổi đã cao, chẳng có cách nào xếp bằng, cũng chớ nên miễn cưỡng. Xếp bằng thì có đơn bàn và song bàn³; đương nhiên là song bàn tốt nhất. Chẳng thể ngồi song bàn thì đơn bàn.

Tu hành, có thể nói là pháp thế gian hay xuất thế gian pháp đều cần tuổi trẻ, khi tu học phải còn trẻ. Huệ Năng đại sư khai ngộ, Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn Hòa Thượng truyền y bát cho Ngài, Ngài thành vị tổ đời thứ sáu của Tông Môn. Khi ấy, Ngài chỉ hai mươi bốn tuổi, tuổi rất trẻ! Bất luận làm gì, chỉ có tuổi trẻ thì mới có thể lực, mới có tinh thần. Then chốt để thành hay bại là như trong phần mở đầu của phẩm kinh này, Văn Thù Bồ Tát đã dạy, “*thiện dụng kỳ tâm*” (khéo dùng cái tâm), quý vị sẽ thành công. Chẳng khéo dụng tâm, quý vị sẽ thất bại. Đúng vậy, câu nói ấy chính là chỗ then chốt. Đương nhiên là thành hay bại còn phải có trợ duyên, [duyên] cũng hết sức quan trọng là thầy. Thuở trẻ, gặp một vị thiện tri thức thật sự, quý vị sẽ có thể thành tựu trong đời này. Chẳng gặp chân thiện tri thức, sẽ rất khó khăn. Kinh tạng trong Phật pháp nhiều ngàn ấy, cổ nhân nói là “*hạo như yên hải*” (mênh mông như khói lan tỏa trên mặt biển), nhập môn từ chỗ nào? Do đó, phải có thiện tri thức chỉ đạo, điều này là then chốt. Trừ điều này ra, đương nhiên là trợ duyên từ các đồng tham đạo hữu và đạo tràng cũng hết sức trọng yếu, nhưng trong xã hội hiện tiền, điều này càng ngày càng khó!

Đồng thời, phải biết thắng duyên (勝緣, duyên thù thắng) chẳng còn mãi. Từ xưa tới nay là như thế! Quý vị phải nhận biết cơ duyên, phải nắm chắc cơ duyên, thời tiết nhân duyên chẳng lâu dài! Vì thế, quý vị phải nhận biết, phải có thể nắm chắc. Một ngày có nhân duyên của một ngày, một năm có nhân duyên của một năm, từ xưa đến nay, Trung Hoa hay ngoại quốc đều chẳng khác nhau! Thông thường là cái duyên tốt đẹp khoảng chừng ba năm, sau ba năm, có thể sẽ nảy sinh biến hóa. Chớ nên không biết điều này! Khổng phu tử đã nói: “*Nhân tồn chánh cử, nhân vong chánh tức*” (Người còn thì nên chánh trị chánh đáng được áp dụng, người mất thì sự cai trị tốt đẹp chấm dứt). “*Nhân*” ở đây chính là thiện tri thức. Thiện tri thức còn thì thiện duyên mới có thể duy trì. Thiện tri thức mất, duyên sẽ chẳng thể duy trì. Vì thế, chẳng thể không nắm chắc. Hãy nắm thật chặt, nghiêm túc nỗ lực học. Đã tìm được phương pháp và đường lối, dấu lia khỏi thiện tri thức, chính mình cũng biết hãy nên đi như thế nào.

Duyên phận giữa tôi và thầy Phương là thầy hướng dẫn tôi nhập môn, thời gian chẳng dài. Đã nhận biết Phật pháp, khi ấy gặp gỡ Chương Gia đại sư, tôi theo lão nhân gia ba năm, Ngài viên tịch, đã đi rồi. Trong ba năm ấy, chúng tôi

³ Song bàn (雙盤) là chân nọ đặt lên chân kia, cõ chân chéo nhau, ngửa hai lòng bàn chân lên. Ta thường gọi là ngồi kiết già. Đơn bàn (單盤) là đặt chân này chồng lên chân kia, không bắt chéo cõ chân, thường gọi là ngồi bán già.

gặp mặt mỗi tuần một lần. Đại khái, tôi tính thử, một năm được gặp Ngài từ bốn mươi lần cho đến năm mươi lần. Tiếp nhận giáo huấn của Ngài, mỗi lần gặp mặt khoảng chừng hai giờ, học trò chỉ có mình tôi. Sau khi thầy đã khuất núi một năm, lão cư sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu cho tôi quen biết thầy Lý, cũng là vừa gặp mặt bèn rất hợp duyên. Thầy giảng kinh rất hay, càng nghe càng hoan hỷ. Đồng học cũng đều rất khá, rất đông, tôi thấy vậy hết sức hâm mộ. Họ đã theo thầy hơn mười năm, tôi là kẻ đến sau!

Khi đó, tôi đã nghĩ làm thế nào để có thể đuổi kịp họ, dấy lên ý niệm như thế đó. Gặp pháp sư Tâm Ngộ ở chùa Lâm Tế mời tôi xuất gia. Tôi nghĩ là cơ hội đã đến rồi. Dùng thân phận cư sĩ ở lại Đài Trung, thầy giao cho tôi công việc làm nhân viên quản lý Từ Quang Đồ Thư Quán. Đồ Thư Quán có tất cả ba người, trông nom sách vở và trông coi phòng đọc sách là hai người, người còn lại sẽ trông nom những việc linh tinh khác. Mỗi ngày làm việc tám giờ, buổi tối nghe thầy giảng kinh. Mỗi tuần ba lượt [nghe giảng], hai lần nghe kinh, một lần nghe giảng cổ văn. Khi đó, thầy giảng bộ Cổ Văn Quán Chi. Mỗi tuần có ba buổi học, tức là thứ Tư, thứ Sáu và Chủ Nhật, mỗi tuần học ba buổi. Thời gian còn lại dành cho quý vị tự học. Vì thế, có rất nhiều người nói: “Anh ở Đài Trung, cái được chẳng bù nổi cái mất!” Tôi hỏi: “Sao vậy?” “Anh thấy mỗi tuần chỉ học ba giờ, anh đến học trong Phật Học Viện sẽ tốt hơn!” Tôi thưa cùng họ: “Xét theo năng lực của tôi, ba buổi học hết sức thích hợp. Vì sao? Tôi có thể tiêu hóa. Nếu mỗi ngày đều có lớp, tôi sẽ chẳng tiêu hóa được”. Kẻ bình phàm chẳng biết điều này!

Thầy dạy mọi người “*thâm nhập một môn, huân tu dài lâu*”. Ba buổi học, hai buổi do thầy dạy, buổi còn lại là do các vị đồng học luyện giảng, chúng tôi đều phải đến dự thính, đều phải đến nghe. Nghe xong, có thể phê bình, giúp họ cải tiến. Học được những phương pháp giảng kinh ấy. Nói thật ra, mỗi tuần thầy giảng kinh một lần, hai buổi học chỉ là một giờ, giờ kia dành để dịch sang tiếng Đài, tức là tiếng Mân Nam⁴. Do đó, hai tiếng đồng hồ, trên thực tế là một tiếng đồng hồ nghe kinh. Cổ văn giảng hai tiếng đồng hồ, không có phiên dịch. Đây chính là ba giờ nghe giảng mỗi tuần⁵. Do vậy, tôi nghe kinh, còn có trọn đủ thời gian để chuẩn bị. Thầy giảng bộ kinh nào, tham khảo tư liệu nào, tôi đều tìm kiếm. Pháp sư Trí Khai ở Hương Cảng đã giúp đỡ tôi rất nhiều, tài liệu tham khảo của tôi không thiếu khuyết, còn nhiều hơn thầy nữa! Tôi xem trước, xem những

⁴ Tiếng Mân Nam (Bân-lâm-gú) là một thứ tiếng địa phương được nói ở phía Nam tỉnh Phước Kiến, nhất là vùng duyên hải Phước Kiến, một phần tỉnh Chiết Giang và phía Đông tỉnh Quảng Đông. Thứ tiếng này chính là cơ sở để hình thành tiếng Đài ngữ (thường gọi là Hà Lạc ngữ hoặc Phước Lão ngữ. Tiếng Đài Loan (Tâi-oân-oē) chủ yếu là giọng Mân Nam ở vùng Tuyên Châu, Chương Châu, pha trộn với giọng Hạ Môn, cũng như một số từ vay mượn từ tiếng Nhật và các từ ngữ của các sắc dân thiểu số tại Đài Loan.

⁵ Nói “mỗi tuần nghe giảng ba giờ” là vì mỗi tuần có hai buổi nghe giảng kinh, một buổi nghe giảng cổ văn. Giảng kinh thì như trên đã nói, chỉ có một tiếng đồng hồ giảng kinh thật sự cho cả hai buổi, vì mỗi buổi đã phải tốn nửa thời gian để dịch từ tiếng Phổ Thông (tiếng Quan Thoại, tiếng Bắc Kinh) sang tiếng Đài Loan. Ngay cả khi các đồng học luyện giảng kinh, vẫn dùng cách phiên dịch này. Chỉ có cổ văn là hoàn toàn do cụ Lý giảng suốt hai tiếng, cho nên tổng cộng, cả tuần chỉ thật sự giảng ba giờ.

bản chú giải của các vị cổ đại đức, sau đấy nghe thầy giảng, nghe xem thầy giảng như thế nào! Ngạn ngữ có câu: “*Hành gia thính môn đạo, ngoại hành đích nhân thị khán nhiệt náo*” (Bậc thật sự thông hiểu sẽ nghe ra đường lối, kẻ lơ mơ ngoài rìa xem náo nhiệt). Kể như tôi hiểu một chút bí quyết! Cũng có nghĩa là do tôi đã xem trước nhiều tài liệu như thế, nếu tôi lên giảng đài để giảng kinh khi ấy, tôi sẽ giảng theo cách nào. Nghe xem cách giảng của thầy, [nhận biết] tôi thua kém chỗ nào, tôi học điều này!

Vì thế, thầy giảng một giờ, tôi tối thiểu phải dùng ba mươi giờ để làm công tác chuẩn bị cho việc nghe kinh. Sau khi tôi nghe thầy giảng kinh, ngày hôm sau phức giảng (複講), tức là nhắc lại những gì thầy đã giảng một lượt, tôi có thể giảng đến chín mươi lăm phần trăm! Có năng lực ấy, gần như là giảng giống hệt như thầy. Tôi không cần soạn bài giảng, không cần viết bút ký. Thuở trẻ, trí nhớ rất tốt, sức lý giải cũng tốt lắm. Tôi giảng còn hoạt bát, sinh động hơn thầy; do đó, tôi hết sức được thọ dụng bởi chương trình học ấy. Khi ấy, tôi có một người bạn thân là pháp sư Huệ Nhẫn. Sư lớn hơn tôi năm tuổi, cũng rất thông minh. Tôi rủ Sư cùng đến Đài Trung theo thầy Lý học Giáo. Dường như Sư ở nơi đó bốn tháng liền bỏ đi, chẳng chịu nổi! Sư nói: “Ở đây chẳng học được gì! Mỗi tuần lên lớp quá ít!” Sư trở lại Đài Bắc làm kinh sám. Chưa đầy một năm, Sư đã tạo lập đạo tràng, rất khó có, theo đuổi chuyện kinh sám để kiếm tiền. Về sau, Sư sang Hương Cảng, hình như đã qua đời mấy năm trước! Rốt cuộc trắng tay!

Đây là gì? Thật sự có thiện tri thức, có đồng tham đạo hữu tốt đẹp, lại có đạo tràng để có thể thành tựu, [thế mà] chẳng chịu nắm lấy cơ hội, hết sức đáng tiếc! Thầy rất vui lòng dạy kẻ khác, quý vị chẳng chịu học, chẳng có cách nào cả! Vì thế, sau khi đã nhận biết cơ hội, quý vị phải định cái tâm, “*thiện căn kiên cố, đắc bất động địa*”. Ai nấy đều có thiện căn. Kẻ học Phật nào mà chẳng có thiện căn? Chẳng có thiện căn, quý vị sẽ chẳng ngồi ở nơi đây hai tiếng đồng hồ nổi! Có thể ngồi hai tiếng đồng hồ, chứng tỏ quý vị có thiện căn sâu dày! Nhưng như thế nào? Chẳng kiên cố! Hễ kiên cố, quý vị sẽ bất động. Học tập chưa thành tựu, quyết định chẳng lìa khỏi!

Tôi mong học bí quyết thầy sử dụng để biểu diễn trên giảng đài. Nói thật ra, tôi đa là một tháng quý vị đã học hiểu bí quyết ấy. Tôi ở Đài Trung đại khái chẳng cần đến một tháng, hai tuần thôi! Vì thầy Lý có trước tác Nội Điển Giảng Tòa Chi Nghiên Cứu và Thực Dụng Giảng Diễn Thuật, kể như là hai bộ pháp bảo, trong vòng hai tuần, tôi đã học hiểu. Nhưng như thế nào? Học hiểu thì học hiểu vậy đó, lên giảng đài chẳng biết vận dụng như thế nào! Học tài liệu giảng dạy ấy giống như học Tôn Tử Binh Pháp⁶, hai tháng là đã có thể thuộc nhuễn

⁶ Tôn Tử Binh Pháp còn gọi là Vũ Kinh, Bình Kinh, Tôn Vũ Binh Pháp, Ngô Tôn Tử Binh Pháp, đôi khi chỉ gọi gọn là Tôn Tử, được coi là một bộ binh thư cổ nhất do Tôn Vũ người nước Ngô soạn vào thời Xuân Thu. Toàn thể bộ sách gồm có mười ba chương, được đánh giá rất cao vì những nguyên tắc, chiến lược, cũng như sự vận dụng linh hoạt trong sách ấy. Có lẽ ngoài kinh Dịch, đây là một bộ cổ thư Trung Hoa được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất và được giới quân sự phương Tây quan tâm nghiên cứu nhiều nhất. Tuy vậy, giới học giả Trung Hoa và Nhật Bản vẫn có khá nhiều tranh luận quanh việc ai là tác giả thật sự của bộ sách này. Đa

nhừ sách Tôn Tử Binh Pháp, nhưng trên chiến trường, sẽ không thể giao chiến nổi! Chỗ mấu chốt trong việc vận dụng là do nhất tâm. Vận dụng là sống động; vì thế, phải trường kỳ theo thầy quan sát, học tập, xem thầy vận dụng trên bục giảng như thế nào. Thầy chẳng có cách nào dạy quý vị điều này được, nó là sống động, phải cẩn thận quan sát trong một thời gian dài mới biết trên bục giảng, thầy tùy lòng vận dụng, đâu đâu cũng hợp lẽ, thuận lợi. Đây chẳng phải là công phu trong một sớm một chiều [mà hòng đạt được]!

Ở Đài Trung, tôi và các bạn học đều theo học với thầy Lý, nhưng không giống nhau. Họ học theo ngôn giáo của thầy, những điều thầy đã giảng họ đều ghi thành bút ký. Sau đấy, dựa theo đó để giảng. Tôi chẳng làm vậy, tôi không biên chép, chẳng cần phải ghi lại. Vì sao? Tài liệu chú sớ của cổ đức dùng để tham khảo quá nhiều, điều khẩn yếu là phương pháp, kỹ xảo; những thứ này sống động. Tôi ở nơi đó mười năm để học những điều này, hiểu rõ cách nghĩ và phương pháp của thầy. Thầy giảng giải, thích liệt kê những điểm đại cương, viết thành đại cương, tôi hoàn toàn có thể đọc hiểu.

Ở Đài Trung, tôi cũng đã có thí nghiệm một lần. Thầy giảng kinh Kim Cang, khi đó, tôi ở Đài Bắc. Tôi xin lão hòa thượng trong đạo tràng cho nghỉ phép để lại đến Đài Trung học Giáo, do luôn cảm thấy chính mình học chưa đủ. Coi như được lão hòa thượng chấp thuận, tôi đến Đài Trung, thầy Lý đã giảng kinh Kim Cang hơn một tháng. Chư vị phải biết, một tháng có bốn giờ, tôi chẳng được nghe bốn giờ đâu, chẳng được nghe đã bốn lần rồi! Tôi liền xin một vị đồng học là cư sĩ Châu Gia Lân, là một bạn học thân thiết, giảng bù lại cho tôi: “Những gì thầy đã giảng trong lần trước, xin ông nhắc lại cho tôi nghe một lượt”. Ông ta cũng rất từ bi đáp ứng. Khi giảng, rất trúc trắc, loạc choạc, do chiếu theo bút ký để giảng. Sau đấy, tôi nói: “Như vậy là được rồi, thầy có soạn sườn bài giảng, tôi có thể chiếu theo sườn bài để giảng một lượt. Các vị nghe thử xem tôi có giảng trật chỗ nào hay không?” Họ cũng đồng ý. Bảy người bạn học của tôi họp thành

số chủ trương là Tôn Vũ, có những người khác như Tiền Mục, Tề Đằng Khiêm, Vũ Nội Nghĩa Hùng, Kim Đức Kiến, Phùng Hữu Lan, Vương Gia Tường đoạn quyết tác giả phải là Tôn Tần. Có những người khác cho tác giả là một ẩn sĩ thời Chiến Quốc. Thậm chí có người như Mâu Đình quan niệm tác giả bộ binh thư này phải là Ngũ Tử Tư. Mãi cho đến năm 1972, khi phát hiện được cả Tôn Tử Binh Pháp và Tôn Tần Binh Thư trong một ngôi mộ cổ từ thời Đông Hán tại Sơn Đông, vấn đề tranh biện này mới chấm dứt, Tôn Tử Binh Pháp được công nhận là của Tôn Vũ.

Tôn Vũ (545-470 trước Công Nguyên), tên tự là Trường Khanh, là người nước Tề. Do loạn lạc, gia đình phải dời sang Cô Tô nước Ngô. Do quen biết thân tình với Ngũ Tử Tư, ông được Ngũ Tử Tư tiến cử lên Ngô vương Hạp Lư. Ông dâng lên mười ba chương binh pháp, Hạp Lư rất tán thưởng, phong cho làm thượng tướng quân rồi quân sư. Năm lần ông chỉ huy đều đại thắng, tên tuổi vang lừng. Sau đó, khi con Hạp Lư là Phù Sai lên nối ngôi cha, ngang ngược, đắm say tửu sắc, ông cáo quan trở về nước Tề, chuyên nghiên cứu binh pháp. Trước khi thoái ẩn, ông đã khuyên Ngũ Tử Tư cũng nên thoái ẩn, nhưng Ngũ Tử Tư không nghe đến nỗi về sau bị Phù Sai sát hại. Tương truyền Tôn Tần là cháu nội của Tôn Vũ, không rõ tên thật. Vì bị bạn học là Bàng Quyên ganh tài, vu oan giá họa, bị vua chặt hai chân nên mới gọi là Tôn Tần (𨾏) là hình phạt chặt đứt hai chân).

một lớp nhỏ, bảy người chúng tôi họp nhau lại để phức giảng một lần, mười năm như một ngày. Đồng tham đạo hữu chẳng dễ dàng, có [những vị thiện hữu như] Từ Tĩnh Dân, Châu Gia Lân.

Tôi giảng xong, bước xuống, mấy người họ hỏi: “Ông làm sao mà giảng giống hệt như thầy vậy?” Lần đầu tiên làm thí nghiệm. Tôi bảo họ: “Tôi theo thầy thời gian tuy chẳng dài, hai năm thôi! Nhưng tôi hiểu tư tưởng và phương pháp của thầy. Do đó, tôi nắm được đề cương của thầy, cơ bản là chẳng sai khác cho mấy!” Vì thế, tôi chẳng nghe [thầy giảng] bốn lần trước, [thế mà] tôi giảng cho họ nghe, họ ấn chứng cho tôi! Điều này có nghĩa là: Tuy có thiện căn, phải kiên cố, phải chẳng dao động thì mới có thể thành tựu. Thường xuyên thay đổi thầy, thường xuyên đổi khoa mục, thường xuyên đổi đạo tràng, rất khó thành tựu! Vì sao? Tâm quý vị chẳng định! Nếu chúng ta muốn thành tựu, từ bài kệ “*nhược kết già phu*” này, quý vị có thể thấu hiểu, phải định! Có thiện căn kiên cố rất sâu, có năng lực thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, quyết định theo một vị thầy tới cùng thì mới có thể thành tựu.

Do vậy, đối với cách dạy trong Phật Học Viện, sau khi đến Đài Trung, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Về sau, có rất nhiều Phật Học Viện mời tôi đến dạy, tôi không đến. Vì sao? Gây lầm lạc cho con em người ta, học sinh chẳng được thọ dụng! Khóa trình trong Phật Học Viện giống như nhà trường [thế gian], phỏng theo [cách huấn luyện trong] nhà trường, tuy đều là giảng kinh Phật, nhưng khác hẳn! Ví như trong tiết học thứ nhất, thầy Giáp giảng kinh Di Đà. Tiết học thứ hai lại đổi thầy, giảng phẩm Phổ Môn. Kinh Di Đà trong tiết trước còn chưa lưu lại ấn tượng; tiết sau lại đổi thành phẩm Phổ Môn. Buổi học sau biến thành phẩm Phổ Môn, tâm học sinh bị loạn. Như vậy thì ba năm tốt nghiệp, tốt nghiệp từ Phật Học Viện, thứ gì cũng chẳng hiểu. Thật sự dụng công, [chỉ là] đạt được một chút thường thức Phật pháp hời hợt bên ngoài! Làm sao có thể thọ dụng cho được?

Sau khi chúng tôi đến Đài Trung, mới biết phương pháp do thầy Lý sử dụng chính là biện pháp dạy học trong trường tư thục thời cổ. Tuy trong lớp có hơn hai mươi học trò, mỗi trò chỉ có thể học một bộ kinh, có thể chọn kinh khác nhau. Vì thế, mỗi đồng học chúng tôi chọn kinh, mỗi người học khác nhau, nhưng thầy dạy người khác, quý vị có thể nghe ké, thầy đều cùng nghe với nhau, nhưng mỗi người thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, chú trọng điều này! Thầy Lý bảo tôi: - Anh thấy hơn hai mươi vị đồng học, người phát tâm học bộ kinh này sẽ phải [lên bục] giảng. Ngày Chủ Nhật, người ấy phải phức giảng, phải giảng cho đại chúng nghe. Thính chúng đại khái gần như khoảng một trăm người, [do vậy người phức giảng] rất dụng công, chỉ sợ giảng không được! Các đồng học khác nghe ké, mọi người giúp người ấy ghi bút ký, vì mỗi người rất khó thể mong ghi lại [lời thầy giảng] hoàn chỉnh được! Chúng tôi cũng chưa học kỹ xảo tốc ký, nghe được bao nhiêu viết bấy nhiêu. Sau khi đã ghi chép, đều giao cho người ấy. Người ấy quay về tham khảo, soạn bài giảng. Các đồng học giúp đỡ người ấy!

Tôi đến cuối cùng, tên được xếp cuối cùng. Vì thế, chưa đến phiên tôi, tôi đã rời khỏi Đài Trung, xuất gia. Nhưng trí nhớ và sự lý giải của tôi đều mạnh hơn họ. Nghe một lần, tôi đã có thể phức giảng. Tôi ở Đài Trung một năm ba tháng,

tức là mười lăm tháng, nghe thầy Lý dạy học, giảng mười ba bộ kinh. Đại khái, tốc độ tiến triển của thầy gần như là mỗi bộ kinh giảng một tháng. Một tháng là năm lần giảng, tôi học hiểu từ đó. Tôi vừa xuất gia bèn dạy tại Phật Học Viện. Học được mười ba bộ kinh tại Đài Trung bèn đi biểu diễn. Thành tích biểu diễn vẫn còn khá, còn được đại chúng hoan nghênh, nhưng trong tâm chính mình hiểu rõ ràng: Chẳng có bề sâu, chỉ có hời hợt bề ngoài. Do vậy, nhất định phải quay về. Thế nào đi nữa cũng phải quay về, về lại Đài Trung theo thầy một thời gian dài thì mới có thể thâm nhập. Thời gian ngắn ngủi chắc chắn sẽ không được! Vì thế, tôi trở về, thầy hoan hỷ. Đây chính là kinh nghiệm tu học của bản thân tôi.

Hai chữ “*bất động*” chính là then chốt. Quý vị thấy trong sáu phương Phật từ kinh Di Đà, vị thứ nhất là A Súc Bệ Phật, dịch sang nghĩa tiếng Hán, sẽ là Bất Động. Để thành tựu pháp thế gian lẫn Phật pháp, đây là then chốt. Chỉ cần quý vị có thể bất động, tâm quý vị định lại ở nơi ấy, lẽ nào chẳng thành công? Chúng ta lại nghĩ tới những vị tổ sư đại đức từ thời cổ, các Ngài dùng gì để thành tựu? Chính là “*đắc bất động địa*” (đạt địa vị bất động)! Vị tổ sư thứ nhất của Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư, là người sống vào thời Đông Tấn, khi đó cũng là thời loạn. Tại Lư Sơn ở Giang Tây, Ngài lập Niệm Phật Đường, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, nay gọi là chùa Đông Lâm, là nơi tu học của Viễn công đại sư. Tập hợp những vị đồng tu chí đồng đạo hợp, có tại gia, có xuất gia, một trăm hai mươi ba vị, ai nấy đều thành tựu! Một trăm hai mươi ba vị ấy đều là nam giới, chẳng có nữ giới, lấy Hồ Khê làm giới hạn, tâm đều định trong ấy. Kết giới, trọn chẳng ra ngoài giới tuyến. Vì thế, tâm họ định, do tâm chuyên, cho nên mới thành tựu. Nếu du hóa khắp nơi, tham phỏng khắp nơi, sẽ rất khó, chẳng thể thành tựu!

Mấy năm trước, tôi sang thăm Nhật Bản. Núi Tỳ Duệ (Hiei-zan) của Nhật Bản là thánh địa Phật giáo, người địa phương gọi nơi ấy là “*mẹ của Phật giáo Nhật Bản*”. Nhật Bản có mười ba tông phái, mười ba vị tổ sư đều từ núi ấy mà ra. Tôi hỏi vị thầy Dương Gia trên núi: “Trong quá khứ, những vị tổ sư đại đức tu hành ở trên núi bao lâu? Ở trên núi bao lâu?” Sư cho biết, tối thiểu là từ mười sáu năm trở lên! Tôi nghe xong, hiểu rõ. Tôi lập Tịnh Tông Học Viện tại Úc, yêu cầu các đồng học: “Quý vị đến học viện học tập, tối thiểu là chín năm chẳng xuống núi, quý vị sẽ có thành tựu”. Khi đó, tôi nghĩ: “Thời gian chín năm có phải là dài quá hay chẳng?” Trong chín năm ấy, hai năm đầu để học những môn chuẩn bị, tức là học tập Đệ Tử Quy, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo và Sa Di Luật Nghi. Trong những trước tác của cổ nhân thì có thiên sách Đồng Mông Dưỡng Chánh (bồi dưỡng những điều chánh đáng cho trẻ thơ) là thiên thứ nhất trong bộ Ngũ Chung Di Quy và Liễu Phàm Tứ Huấn, chọn đọc những thứ trọng yếu trong ấy, dùng hai năm để đặt vững cơ sở. Năm thứ ba, thứ tư và thứ năm, trong ba năm ấy, học tập năm kinh một luận của Tịnh Tông, quý vị đối với kinh sách của Tịnh Tông đều thân thuộc. Bốn năm cuối cùng, chuyên đồ công dốc sức nơi một môn. Quý vị chọn một môn trong năm kinh một luận, dùng thời gian bốn năm để học tập, như vậy thì sẽ có thể thành tựu. Nếu khắp nơi có người thỉnh, hễ được thỉnh liền đến đó, sẽ chẳng thể thành tựu! Quý vị chỉ kết pháp duyên với các nơi, khiến cho sự tu hành và giáo học của chính mình bị lơ lảng, sai mất rồi!

Họ thấy tôi, tôi suốt đời chẳng có đạo tràng. Vì thế, chỗ nào mời tôi giảng kinh, tôi sẽ đến, đây là chuyện bất đắc dĩ. Họ chẳng thấy tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, tôi theo thầy Lý năm năm, năm năm cuối tuân thủ nguyên tắc, hoàn toàn chẳng ở Đài Trung. Năm năm đầu là ở Đài Trung. Chẳng có thời gian dài ngắn ấy, sẽ chẳng được! Làm sao quý vị có thể thành tựu cho được? Người hiện thời ngày càng chẳng có kiên nhẫn, tỷ lệ thành tựu ngày càng hiếm hoi! Vì thế, tôi nói: “Cố nhiên là thiện căn sâu dày, nhưng chẳng kiên cố!” Xuất gia là như thế, mà tại gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Tại gia có thể thành tựu hay không? Có thể chứ! Người thành tựu rất đông! Vì sao họ thành tựu? Một vị thầy, một pháp môn, một đạo tràng, tuyệt đối chẳng phải là đi lung tung. Đối với bất cứ đạo tràng nào và bất cứ pháp sư nào cũng đều tôn kính, nhưng chính mình học theo một vị thầy, một đạo tràng. Vì sao? Cái tâm sẽ định!

Có thắc mắc, có nghi hoặc, hãy hướng về thầy thỉnh giáo, chớ nên nghe lời kẻ khác. Dầu là pháp sư, mỗi vị pháp sư học pháp môn khác nhau, tri kiến chẳng giống nhau. Quý vị theo học với một người, sẽ là một con đường. Theo học với hai người, sẽ là hai con đường. Theo học với ba người, trở thành ngã ba. Theo học với bốn người, trở thành ngã tư. Quý vị đi theo hướng nào? Chớ nên không hiểu đạo lý này! Vì sao trong Phật môn lại có tham học? Tham học là gì? Là chuyện sau khi đã tốt nghiệp. Kinh Hoa Nghiêm là khuôn mẫu: Thiện Tài đồng tử theo một vị thầy, tức Văn Thù Bồ Tát. Trong hội của Văn Thù Bồ Tát, Ngài thành tựu Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Đắc bất động địa, thành tựu Căn Bản Trí. Nói theo kiểu hiện thời, Thiện Tài đã minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Làm thế nào để có thể bất động? Đoạn vọng tưởng, đoạn phân biệt, đoạn chấp trước. Đối trước cảnh giới sáu trần, sáu căn như như bất động, như kinh Kim Cang đã nói: “*Ngoài chẳng giữ lấy tướng, trong chẳng động tâm*”. Quý vị sẽ thành tựu nơi vị thầy ấy, tốt nghiệp. Sau khi đã tốt nghiệp, thầy sẽ bảo quý vị tham học. Vì sao? Tham học nhằm viên mãn Hậu Đắc Trí, cũng là vận dụng Căn Bản Trí vào công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày.

Kinh Bát Nhã dạy: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ là “*vô tri*”. “*Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*” là “*vô tri*”. Khởi tác dụng là gì? Chúng sanh ở nơi đâu có cảm, quý vị sẽ ứng, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới. Đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, phải nên nói pháp gì, quý vị liền nói pháp ấy. Không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, tham học đây! Do vậy, trong phần sau [kinh Hoa Nghiêm] có năm mươi ba lần tham học. Chẳng đắc Căn Bản Trí, cũng có nghĩa là chẳng minh tâm kiến tánh, hoặc chúng ta nói cách khác, quý vị còn chưa buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có tư cách tham học! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã buông xuống, thầy nhất định sẽ bảo quý vị đi tham học, tuyệt đối chẳng giữ quý vị. Nếu thầy giữ quý vị lại, sẽ có lỗi với quý vị! Nhất định khuyên quý vị đi tham học, nhằm thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Chúng ta đã thấy thể lệ này trong kinh Hoa Nghiêm.

Hiện thời nhằm thời kỳ Mạt Pháp, tiêu chuẩn hạ thấp. Trước kia phải là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thầy đều buông xuống, quý vị mới có tư cách đi tham học. Hiện thời, nói lỏng đến mức độ nào? Chẳng nói tới phân biệt và vọng tưởng, chỉ bàn đến chấp trước. Có thể nhạt bớt chấp trước đôi chút, trí huệ của quý vị cũng có thể nâng cao. Quý vị sẽ có năng lực phân biệt chân, vọng, có năng lực phân biệt tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác. Có năng lực ấy, thầy cũng cho phép quý vị đi tham học. Vì sao? Quý vị sẽ chẳng bị hại. Quý vị thấy người khác tu trì, nghe người khác giảng kinh, trong tâm quý vị có sự phán đoán, biết kẻ ấy nói đúng hay trật, kẻ ấy làm đúng hay sai, hữu ích cho chính mình. Chúng ta học tập theo chỗ đúng của người ấy. Đối với chỗ chẳng đúng, sẽ tự hỏi: “Ta có phạm sai trái giống kẻ ấy hay không? Hễ ta cũng phạm sai trái, hãy nhanh chóng sửa đổi”. Đây là như Khổng Tử đã nói: “*Tam nhân hành, tất hữu ngã sư*” (Ba người cùng đi, ắt có một người là thầy ta). Đạo lý ở chỗ này, chính mình có thể thật sự được thọ dụng. Chẳng phải là tham học như Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học nhằm hoằng pháp lợi sanh, khác hẳn. Chúng ta tham học như vậy vẫn nhằm thành tựu chính mình!

Nhưng trong thế gian hiện thời, bất luận là tại gia hay xuất gia, đối với sự tu trì và ngôn luận của kẻ ấy, có nên phê bình hay không? Chớ nên! Phải biết điều này. Phê bình mà kẻ đó có thể tiếp nhận, có thể sửa đổi thì được, nhưng [người như vậy] quá ít. Người thế gian có tập khí kiêu căng, ngạo mạn, đây là phiền não bản sanh, phải thừa nhận điều này. Nói theo Phật pháp, quý vị thấy sau tham, sân, si là mạn. Trong giáo học của Nho gia, quý vị mở Lễ Ký ra, thiên thứ nhất nói: “*Ngạo bất khả trường*” (Chớ nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo). Phu Tử thừa nhận, con người có ngạo mạn hay không? Có! Hy vọng quý vị đừng nên tăng trưởng lòng ngạo mạn nữa. [Đó là nói theo] pháp thế gian; trong Phật pháp, nhất định là phải đoạn trừ ngạo mạn. Vì sao? Quý vị chẳng mong thoát khỏi tam giới ư? Quý vị chẳng mong vãng sanh Tây Phương ư? Hễ có tâm ngạo mạn, sẽ chẳng thể vãng sanh.

Do vậy, tôi khích lệ đồng học, viết bốn chữ, Thành (誠) là chân thành, thành thật. Kính (敬): Đối với người, đối với sự, đối với vật, phải cung kính, chân thành cung kính. Khiêm (謙): Khiêm hư. Hòa (和): Cư xử hòa thuận với hết thầy chúng sanh. “*Thành kính khiêm hòa*”: Khiêm nhằm đối trị ngạo mạn, phải khiêm hư, chớ nên ngạo mạn. Phải tôn trọng người khác, chính mình phải luôn nhường, hạ mình, như vậy thì mới nên, quý vị mới có thể đạt được lợi ích! Nhưng điều này chẳng dễ học được, cũng là phải [học tập, vun bồi] từ nhỏ. Khéo dạy từ bé, cha mẹ dạy, thầy dạy, biết khiêm hư, biết lễ độ, nhường nhịn, chịu nhường người khác, biết buông xuống. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, Ngài dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, tôi được thọ dụng suốt một đời. Người như vậy đúng là chẳng nhiều!

Quý vị phải nghe biết [những lời lẽ] khách sáo, người ta nói “*xin quý vị chỉ giáo, phê bình chỉ dạy*”, lời lẽ khách sáo đấy! Quý vị thật sự phê bình, chỉ dạy họ, ngay lập tức họ đổi sắc mặt, ta biết là rất khó tiếp nhận. Vì thế, chẳng phê

bình, chẳng chỉ trích. Nhưng chính mình nhất định phải hồi quang phản chiếu, người khác là một tấm gương để soi chính mình. Chính mình chẳng dễ dàng phát hiện lầm lỗi của bản thân. Thấy người khác có lầm lỗi, hãy nên lập tức hồi quang phản chiếu, suy ngẫm chính mình có [những điều lầm lỗi ấy] hay không? Đó gọi là “*hữu tắc cải chi, vô tắc gia miễn*” (hễ có thì sửa đổi, không có thì càng thêm gắng sức). Điều này khiến cho chính mình rất có thọ dụng. Đối với những kẻ làm chuyện sai trái, chúng ta phải có tấm lòng cảm kích; vì sao? Họ đã nhắc nhở chúng ta. Nếu ta không thấy, không nghe tình huống của họ, chính mình sẽ chẳng biết phản tỉnh, có lỗi mà chẳng biết sửa lỗi. May mắn là ta nghe, ta thấy [những sai quấy ấy], tự mình phản tỉnh, sửa lỗi đổi mới. Vì thế, có lòng tôn kính, có lòng cảm ơn người khác. Đây là tốt đẹp. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này.

Tập 1516

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, phần Tọa Thiên Quán, xem từ bài kệ tụng thứ năm, tức đoạn thứ ba [trong phần ấy].

(Kinh) Tu hành w Định, đương nguyện chúng sanh, dĩ Định phục tâm, cứu cánh vô dư.

(經)修行於定。當願眾生。以定伏心。究竟無餘。

(Kinh: Tu hành nơi Định, nguyện cho chúng sanh, dùng Định chế tâm, rốt ráo chẳng sót).

Bốn bài kệ trước nói về “*tiền phương tiện*” trong sự tu học, cũng là những nghi thức, quy củ phải nên có trước khi tu học. Thứ nhất là tiến nhập điện đường; học kinh giáo là [tiến nhập] giảng đường. Tu hành nói chung chẳng ngoài Thiên đường, Niệm Phật Đường; tu pháp môn sám hối bèn có giới đường hoặc sám hối đường. Những tôn giáo khác cũng đều có. Trước hết, quý vị tiến nhập điện đường, do trong phần trước, tôi đã thưa trình cặn kẽ cùng quý vị, đức Phật tại thế (chúng ta gọi “*điện đường*” là “*đạo tràng*” cho dễ, để nói cho tiện), vì đức Phật thường ở dưới cội cây, ở trong núi rừng, đều là ngồi dưới đất, ngay cả chiếu cũng chẳng có! Đương nhiên là học trò nhất định sẽ chuẩn bị một tòa ngồi cho thầy. Tòa ngồi ấy là tìm một ít cỏ tranh gân đó, dùng cỏ trải thành cái đệm, để đức Phật ngồi trên cái đệm ấy, do cỏ xếp thành.

Người xuất gia mang theo tấm Ni-su-đàn, giống như tọa cụ. Nói thật ra là “*ngọa cụ*” (臥具, những tấm vải để trải nằm và đắp), nhưng cũng có thể trải lên cỏ. Trải lên cỏ để xếp đặt chỗ ngồi. Sau khi xếp chỗ ngồi xong xuôi, ngồi ngay ngắn trên ấy. Đã ngồi xong, khoanh chân xếp bằng, gọi là “*kết già phu tọa*”. Trong kinh giáo, đức Phật dạy: “*Già phu tọa*” tức là ngồi khoanh tròn hai chân; tư thế ngồi ấy ổn định nhất, có thể khiến cái tâm của chính mình chẳng tán loạn. Ma vương trông thấy hình dạng ấy, tâm rất kinh hãi. Nói cách khác, ma chẳng

đến quấy nhiễu. Thứ tư là biện định sự khác biệt với các tôn giáo khác, tư thế ngồi trong Phật môn chẳng giống các tôn giáo khác. Thứ năm là tâm dễ định, do cách ngồi như vậy, sẽ dễ định. Kẻ trẻ tuổi có thể làm thử xem. Đại khái là người từ bốn mươi tuổi trở lên, nếu chẳng ngồi đã thành thói quen, sẽ khá khó khăn.

Đây là các tiền phương tiện; mỗi cử động đều phát nguyện, đều quán tưởng, đều hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Đây chính là như trong phần trước Văn Thù Bồ Tát đã dạy: “*Nhược chư Bồ Tát thiện dụng kỳ tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức*” (Nếu Bồ Tát khéo dùng cái tâm, sẽ đạt được hết thảy công đức thù thắng, màu nhiệm). Trong phần trước, tôi đã thưa trình cùng quý vị: Trong phẩm kinh này, bất quá là nêu lên mấy thí dụ, tổng cộng nói ra một trăm bốn mươi một nguyện, tức là nêu ra một trăm bốn mươi một thí dụ. Chúng ta là kẻ học tập phải hiểu, cô nhân nói “*nghe một biết mười*”. Trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, nhất cử nhất động đều là thực hiện Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chẳng lìa khỏi cuộc sống của chúng ta, thậm chí nói là chẳng lìa khỏi khởi tâm động niệm. Học tập như vậy thì mới có thể khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. Nếu quý vị hỏi bản thân mình có khế nhập hay không ư? Hãy tự hỏi chính mình! Quý vị có hiểu rõ phẩm kinh Tịnh Hạnh này hay chẳng? Có thực hiện hay không? Nếu quý vị thật sự triệt để hiểu rõ, giải ngộ, có thể thực hiện nơi khởi tâm động niệm, quý vị thật sự chứng ngộ, đã khế nhập.

Chỗ khác biệt giữa chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát và chúng ta là quý vị thấy các Ngài khởi tâm động niệm, nhất cử nhất động đều chẳng giống chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm là vọng tưởng, nhất cử nhất động là tạo nghiệp, quý vị nói điều này có đáng sợ lắm không? Thế giới hiện thời hỗn loạn dường ấy, người trong cả cõi đời, bất luận là tinh thần hay vật chất, chẳng thể nói là không có áp lực, mà còn có cảm giác nguy cơ nghiêm trọng. Những khổ nạn do đâu mà có? Do con người tạo ra, đều là do tâm hạnh bất thiện của chính mình cảm vơi. Trong thế gian này, xác thực là có chẳng ít những bậc có chí, những vị có lòng nhân, chuyên gia, học giả đang truy tìm phương pháp gì hòng có thể khiến cho xã hội khôi phục an định, hòa bình, có thể xử lý thỏa đáng khá nhiều vấn đề. Tôi nghe không ít, mà cũng thấy rất nhiều, có cảm xúc rất sâu “chẳng dễ gì thực hiện!” Cũng có nghĩa là chẳng làm được! Lý tưởng thì hay lắm, phương pháp khá lắm, nhưng chẳng thực hiện được! Lại nghiên cứu một phen, vì sao chẳng làm được? Chuyện này, nói theo ngôn ngữ Trung Hoa sẽ là “*giải linh hoàn nhu hệ linh nhân*” (để cởi chuông vẫn phải cần đến kẻ buộc chuông). Nói rõ hơn là mọi người chẳng tìm được căn nguyên ở chỗ nào, đức Phật đã tìm được. Căn nguyên là do mê mất tự tánh.

Cổ thánh tiên hiền Trung Hoa và ngoại quốc đã hiểu rõ; vì sao họ hiểu rõ? Tâm họ thanh tịnh, tâm họ định. Tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ. Chư vị đồng học đều hiểu, tu học trong Phật pháp là do Giới đắc Định, do Định khai trí huệ. Trí huệ hiện tiền, quý vị có thể chiếu kiến những vấn đề phức tạp ấy rành rẽ, rõ ràng. Để xử lý thì phải thực hiện từ căn bản; căn bản là gì? Giáo dục yêu thương, giáo dục luân lý đạo đức. Người có thể yêu thương chính mình, sẽ có thể yêu thương

người khác, sẽ chẳng hại kẻ khác. Chẳng hại người khác, lẽ nào sẽ phát động chiến tranh? Lẽ nào sẽ gây ra những sự kiện khủng bố? Chẳng thể nào! Điều quan trọng nhất là chúng ta đã đánh mất cái tâm yêu thương. Chỉ cần có lòng yêu thương, chế độ gì, phương thức gì cũng đều tốt đẹp! Hiện thời là làm như thế nào để tìm lại cái tâm yêu thương? Chư vị phải hiểu tâm yêu thương là Tánh Đức; mình tâm kiến tánh sẽ tìm được cái tâm yêu thương.

Trong Phật môn không gọi là tâm yêu thương, mà gọi là tâm từ bi. Vì thế, chúng ta đều biết “phát tâm từ bi”, nhưng chẳng phát nổi! Quý vị phải hiểu vì sao không phát nổi? Chưóng ngại ở chỗ nào? Do bị mê mất tự tánh. Mê mất tự tánh, tâm từ bi bị biến chất, biến thành gì? Ích kỷ, vọng tưởng, chấp trước, khởi tâm động niệm tôn người lợi mình. Phải biết, tương phản với những ý niệm sai lầm ấy là đại từ đại bi. Sau khi chúng ta đã mê, tâm đại từ bi biến thành ô nhiễm nghiêm trọng, tà ác nghiêm trọng. Ô nhiễm và tà ác khởi tác dụng, bèn tạo ác nghiệp. Ác nghiệp khiến cho Nhất Chân pháp giới cũng bị bóp méo, biến thành tam đồ lục đạo. Chỉ có Phật, Bồ Tát nói thấu triệt, nói rõ ràng sự thật này! Chúng ta học Phật đã nhiều năm ngàn ấy, vừa học tập, vừa cẩn thận quan sát để cầu chứng. Đối với những điều đức Phật đã dạy, những gì chúng ta trông thấy, đích thân tiếp xúc, có tương ứng hay không? Nếu tương ứng, chúng ta sẽ tự nhiên tin nhận, phụng hành Phật pháp.

Hai bài kệ sau đó nói về tu hành. Hạnh Môn trong tu hành vô lượng vô biên, giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”. Quý vị thấy tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong bốn mươi một nguyện này, hai điều đã bao gồm trọn hết. Vô lượng pháp môn quy nạp lại, chẳng ngoài một là Giải Môn, hai là Hạnh Môn. Quý vị thấy đôi với hai điều ấy, ở đây là “*tu hành ư Định*”, đó là Hạnh Môn, xếp Hạnh Môn ra trước. “*Nhược tu ư Quán*” (Nếu như tu Quán) chính là Giải Môn. Giải Môn được xếp đằng sau. Điều này có nghĩa là gì? Nhằm bảo chúng ta, Phật pháp trọng Hạnh. Đương nhiên là Phật pháp cũng trọng Giải. Giải và Hạnh đều xem trọng, nhưng Hạnh đứng trước. Như vậy thì quý vị bèn liễu giải: Giáo học thì thầy dạy cũng xếp Hạnh hàng đầu; trò học, cũng xếp Hạnh hàng đầu. Phải hiểu ý nghĩa này. Ngay như Tông Môn, ngộ rồi mới tu, cũng xếp Hạnh Môn hàng đầu. Nếu không, sẽ như thế nào? Nếu không, họ sẽ chẳng thể khai ngộ. Tuy Giáo Hạ nghiên cứu kinh giáo, vẫn xếp Hạnh Môn làm đầu. Vì sao? Năm năm học giới.

Đối với người xuất gia, sau khi quý vị đã xuất gia, chẳng phải là ngay lập tức quý vị có thể tiến nhập đạo tràng. Năm năm xuất gia đầu tiên là học giới trong đạo tràng, học “*nghi quy*” (儀規) tức là học quy củ. Năm năm phục vụ đại chúng trong đạo tràng nhằm tu phước, phước huệ song tu! Quý vị thấy phước và huệ, cũng xếp phước đằng trước. Chẳng có phước, sẽ không được. Trước là tu phước, sau là tu huệ. Tu phước đến một mức độ nhất định, ngôn ngữ Trung Hoa cũng nói rất hay: “*Phước chí tâm linh*”, [hàm nghĩa] khi phước báo của quý vị hiện tiền, người ta bỗng dưng cũng thông minh, cũng có trí huệ. Phước và huệ có mối quan hệ liên đới, Định và Quán cũng giống như thế!

Chúng ta quan sát từ truyền thống giáo học của Trung Hoa, quý vị thầy giáo dạy tại Trung Hoa là sau khi trẻ nhỏ được sanh ra hai, ba ngày, đã bắt đầu dạy. Dạy gì vậy? “*Tu hành u Định*”, học quy củ! Vì thế, trước mặt trẻ thơ, người lớn nói năng, cử chỉ, nhất định phải tránh những lầm lỗi, chẳng có lầm lỗi! Tuy trẻ thơ vừa mới lọt lòng, mở mắt, nó thấy, quý vị nói chuyện, nó sẽ nghe. Do thấy, nghe, nói theo thuật ngữ trong Phật môn, sẽ ghi lại ấn tượng trong A Lại Da Thức, nó đang học đấy! Hằng ngày thấy, hằng ngày nghe, toàn là những trạng huống tốt đẹp. Đây là gì? Chính là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy do cha mẹ làm cho con thơ thấy. Đây là sự giáo dục trước khi [trẻ nít] tròn ba tuổi, nó sẽ học hiểu những quy củ ấy. Đây chính là giới luật, nhân Giới đức Định, đều là khởi đầu từ giới luật. Đệ Tử Quy là giới căn bản, do cha mẹ dạy. Vì thế, trách nhiệm của người mẹ quá to, vì mẹ và con thơ gần gũi nhất, chẳng khác nào lìa khỏi! Đã tròn ba tuổi rồi mới khỏi bông ẵm, trẻ tự mình đi được. Chưa đầy ba tuổi, nó vẫn do mẹ bông ẵm, mỗi lời nói, tiếng cười, nhất cử nhất động của mẹ, nó đều ghi nhớ. Vì thế, mẹ chính là Đệ Tử Quy sống động, trẻ thơ hoàn toàn học theo, vun quén căn cội thánh hiền!

Chư vị hãy ngẫm xem, kẻ nào được giáo dục như vậy mà còn có thể làm chuyện xấu u? Ba, bốn tuổi, nó có thể phân biệt tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, biết điều gì là tốt, điều nào là xấu, nó biết! Đưa căn tánh lạnh lợi, năm, sáu tuổi đi học. Trước kia là vào trường tư thực, thầy giáo tư thực cũng thực hiện viên mãn Đệ Tử Quy. Khi ấy, thời gian thân cận thầy lâu dài, lời lẽ, cử chỉ của thầy đã tạo thêm ấn tượng sâu đậm cho trẻ. Trẻ trông thấy, cha mẹ làm như thế ấy, thầy cũng làm như thế ấy, [trẻ sẽ có] tín tâm kiên định.

Lúc ấy, trí nhớ tốt đẹp, trí nhớ mạnh mẽ, thầy dạy cho trẻ học thuộc lòng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Học thuộc nhuần như những giáo huấn ấy. Đứa trẻ ấy sống đến tám, chín mươi tuổi cũng chẳng thể quên mất. Tôi đã từng thấy [điều ấy nơi] thầy Lý, khi tôi theo học với thầy, cụ đã bảy mươi tuổi, tôi theo thầy mười năm. Tám, chín mươi tuổi mà khi viết văn, trích dẫn kinh điển, cụ chẳng cần tra cứu tài liệu tham khảo, đều nhớ rõ ràng rành. Chúng tôi hỏi thầy: “Thưa thầy! Thầy có trí nhớ thật tốt”. Cụ dạy: “Các anh có biết hay không? Do khi bé bị phạt quỳ trên miếng gạch mà được đấy chứ!” Thuở đó, thầy nghiêm ngặt lắm, đã bị quỳ còn phải quỳ trên miếng gạch. Đó là gì? Cho nhớ kỹ! “Chỗ này ta phải quỳ trên miếng gạch”. Vì thế, đặc biệt dễ ghi nhớ. “Chỗ này ta bị đánh vào lòng bàn tay”. Đánh gì vậy? Đánh vào trí nhớ! Phương pháp giáo dục của Trung Hoa khác hẳn! Hiện thời bảo “chẳng được trừng phạt trên thân thể”, chẳng biết là do phương thức ấy trò mới có thể ghi nhớ, thọ dụng suốt đời chẳng hết! Tuy bị thầy đánh, bị thầy phạt quỳ, quỳ trên miếng gạch, đến già vẫn cảm tạ thầy! Cảm ơn! Chẳng làm như vậy, quý vị sẽ học chẳng được! Khi ấy, cảm thấy khổ sở quá; về sau, sẽ là suốt đời cảm tạ thầy!

Gia trưởng cũng hiểu lý lẽ, hiểu chuyện. Lúc bé, tôi đi học cũng bị thầy đánh vào lòng bàn tay, cũng bị phạt quỳ, nhưng chưa phải quỳ trên gạch. Nghĩ tới chuyện quỳ trên gạch khổ sở lắm! Sau khi bị thầy xử phạt, về nhà, cha mẹ biết chuyện, hôm sau nhất định sẽ theo tôi đến trường, còn mang theo lễ vật để cảm tạ thầy. Chư vị hãy ngẫm xem, cha mẹ hợp tác với thầy, làm sao dám chẳng nghe

lời thầy cho được? Giáo dục hiện thời hoàn toàn tương phản, nếu con cái ở trong trường bị thầy xử phạt, phán xử, quá lắm rồi! Ngày hôm sau, cha mẹ nhất định sẽ kiện cáo: “Giáo viên ấy chẳng xứng làm thầy, ngược đãi trẻ nít”. Vì thế, những vị thầy tốt đều lìa khỏi, chẳng muốn dạy dỗ; cũng có nghĩa là chẳng thể dạy! Gia trưởng chẳng mong cho con cái của chính mình nghiêm túc học tập những thứ ấy, nuông chiều quá lố! Làm sao có thể dạy bảo những đứa trẻ ấy cho được?

Vì thế, xưa kia xã hội an định. Nói theo đại thể, xã hội trong năm ngàn năm đã qua của Trung Hoa coi như an định. So sánh với Âu châu, và những quốc gia khác trên thế giới, họ động loạn, chúng ta an định. Tuy chúng ta vẫn có thay đổi triều đại, nhưng thời gian chẳng dài. Nhất là khi một chánh quyền mới được thành lập, nói theo sách cổ, sẽ chẳng quá năm năm bèn chế lễ, tạo nhạc, xã hội sẽ khôi phục bình thường. Do vậy, nói thông thường, thời gian động loạn thường thấy nhất là từ ba năm đến năm năm, sẽ khôi phục trật tự bình thường. Có những lúc động loạn mười mấy năm, tuy có, nhưng chẳng nhiều cho mấy, chẳng thường thấy trong lịch sử, đều khôi phục rất nhanh chóng. Rốt cuộc, thời gian bình trị lâu dài, thời gian loạn lạc ngắn ngủi. Đây là so sánh giữa hai đảng, nói theo lối khái quát, [sẽ thấy] xã hội Trung Hoa an định, hòa bình.

Đây là gì? Giáo dục, dạy từ bé! Không biết chữ chẳng sao cả, người ta có năng lực phân biệt đúng, sai, thiện, ác. Xưa kia, giáo dục chẳng phát triển, cơ hội học hành hoàn toàn chẳng nhiều, nhưng đối với giáo dục cơ sở, người Hoa quyết định chẳng coi nhẹ, dạy dỗ từ bé! Hơn nữa, hễ là người lớn, gần như đều là có nghĩa vụ dạy bảo trẻ nhỏ, điều này rất khó có! Chúng tôi sanh trưởng ở nông thôn, trẻ con nông thôn chơi đùa ngoài đồng, có khi phạm lầm lỗi, khi chơi đùa đã quên khuấy. Nhưng người lớn, bất luận có phải là người quen hay không, [dẫu là] kẻ qua đường, thấy bọn trẻ chúng tôi chơi đùa chẳng tuân thủ quy củ, sẽ kêu chúng tôi lại giáo huấn. Nhưng khi bé, chúng tôi cũng ngoan ngoãn vâng theo. Người nhà biết chuyện sẽ cảm tạ, cảm ơn sự chỉ dạy của người ta. Phong khí xã hội [là như thế đó]! Mọi người đều biết nhi đồng là thế hệ kế tục, đều có trách nhiệm dạy bảo, chẳng cần biết có phải là trẻ nhỏ trong nhà quý vị hay không, có quen biết hay không, chẳng quan trọng! Thấy nó tốt đẹp, khen mấy câu, cô vũ nó; hễ nó làm chuyện lầm lỗi, sẽ uốn nắn. Hiện thời, chẳng có phong khí ấy!

Những thứ ấy đều thuộc về Hạnh Môn, cốt lõi của Hạnh Môn là Định, nhà Phật nói là Thiên Định. Thiên Định có rất nhiều đẳng cấp. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị Bồ Tát có đến năm mươi một địa vị, tức là đẳng cấp của Thiên Định có đến năm mươi một cấp bậc. Vô lượng pháp môn là những phương pháp để tu Thiên Định, đường lối khác nhau. Nhà Phật xác thực là “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”. Từ bi là chân tâm, chân tâm là Thiên Định. Quý vị chẳng có Định, há có tâm từ bi? Định có nghĩa là gì? Định là gì? Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”, đương nhiên đây là tầng lớp Thiên Định cao nhất, chẳng phải là [Thiên Định của] kẻ bình phàm. Người bình phàm sẽ là trước hết học Giới, trước hết học quy củ, học tuân thủ quy củ, học lễ phép, đối với người, đối với sự, đều nghiêm túc chịu trách nhiệm, tận tâm tận lực thực hiện tốt đẹp!

Cũng nên cho trẻ nhỏ tu Định, nhưng nó hoàn toàn chẳng biết Định là gì? Chuyên tâm chính là Định. Chơi đùa bèn chuyên tâm chơi đùa, chẳng cần phải suy nghĩ lung tung! Đi học, đứa căn tánh lạnh lợi đại khái là bốn tuổi bèn đi học; đây là đứa thông minh, trí nhớ rất tốt. Đứa căn tánh trung hạ, gần như là sáu, bảy tuổi mới đi học. Bốn, năm tuổi đều là căn tánh rất nhanh nhạy, nó có thể lý giải, có trí nhớ, thầy dạy nó thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn là tu Định. Ví như dạy nó Tam Tụ Kinh, chuyên tâm học Tam Tụ Kinh, quyết định chẳng thể đồng thời học những thứ khác, mà là chuyên chú nơi một môn. Đây là học tập, học tập là tu Định.

Đọc thuộc lòng kinh văn là tu Quán, nhất tâm học tập là Định, quý vị thầy “*Định Huệ đẳng học*” (học Định và Huệ cân bằng) bắt đầu từ lớp vỡ lòng trong trường tư thục! Thầy xem xét trình độ của học trò, quan sát như thế nào? Dạy nó đọc mười lần, trong vòng mười lần mà có thể thuộc; đây là thượng căn, [có thể thuộc lòng] trong vòng mười lượt. Lúc mới học, đại khái là thầy mỗi ngày dạy nó từ một trăm chữ cho đến hai trăm chữ. Bắt đầu dạy là dạy theo kiểu đó. Về sau, sẽ dần dần tăng thêm. Nhưng quý vị phải ghi nhớ, chẳng vượt quá mười lần là nó có thể thuộc rồi. Theo như lịch sử Trung Hoa ghi chép, những đứa trẻ có thiên phú, thật sự đáng gọi là “*thiên tài nhi đồng*”, một ngày có thể thuộc sáu, bảy trăm chữ, nghĩa là chẳng quá mười lần, đứa trẻ ấy đã có thể thuộc lòng. Mười lần mà chẳng thuộc được, thầy sẽ giảm bớt số chữ. Ví như thầy làm thí nghiệm, thí nghiệm thông thường là ba, bốn trăm chữ, chưa đến mười lần đã thuộc, lại tăng thêm; mười lần chẳng thuộc bèn giảm bớt. Kể căn tánh chậm lụt nhất, đại khái là học một trăm chữ, dạy quý vị chừng đó, quý vị có thể thuộc được. Sau khi đã thuộc, thầy bảo quý vị lớn tiếng đọc cho thuộc, xem sách cũng được, phải đọc một trăm lượt, đọc lớn tiếng rõ ràng. Một đặng là tâm quý vị chuyên chú. Chư vị phải hiểu, chuyên chú là Định. Niệm rành mạch, từng chữ rõ ràng, chẳng niệm sai, chẳng niệm sót chữ, đây là Huệ.

Chẳng cần cầu mong giải thích; do vậy, thầy chỉ dạy quý vị đọc, chẳng giảng giải! Tuy thầy chẳng giảng giải lời văn trong bài học, thầy kể chuyện xưa, trẻ nhỏ thích nghe kể chuyện. Những câu chuyện của thầy nói lên điều gì? Đại khái là luôn liên quan đến kinh văn; nói chung, chẳng lìa khỏi luân lý đạo đức. Trẻ nhỏ nghe xong, đúng là sẽ suốt đời chẳng quên mất. Bất chước cổ nhân, làm thế nào để vận dụng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân, ái, hòa bình vào cuộc sống của chính mình, thực hiện trong đối người, đối sự, đối vật, đều có thể làm được. Những thứ ấy chính là Tánh Đức. Do đó, giáo dục của Trung Hoa chẳng có gì khác, [chỉ là] tìm lại tự tánh của quý vị, chẳng thể lìa khỏi quá xa!

Tánh Đức là tiêu chuẩn tuyệt đối. Câu đầu tiên của Tam Tụ Kinh đã nói rõ: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành). Đức Phật dạy người ta cũng giống như vậy. Điều thứ nhất là dạy quý vị “*hết thầy chúng sanh đều có Phật Tánh*”, chỉ rõ quý vị có Phật Tánh. Trong một đời này, chúng ta hằng ngày từ sáng đến tối, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác phải tương ứng với Phật Tánh. Đó là tốt. Phật Tánh là gì? Giới luật là Phật Tánh, kinh giáo là Phật Tánh. Kinh giáo là ngôn ngữ của Phật lưu lộ từ Phật Tánh. Giới luật là

động tác trong xử sự, đãi người, tiếp vật, hoàn toàn do tự tánh tự nhiên lưu lộ. Nay chúng ta học giới luật, dường như là chỗ nào cũng bị bó buộc. Chẳng phải vậy! Giới luật là bình thường, hiện thời chúng ta đã biến những điều bất bình thường thành thói quen. Nếu khôi phục những thứ bình thường, sẽ cảm thấy chẳng quen thuộc! Đó là bình thường, chư Phật, Bồ Tát là như vậy. Chớ nên không hiểu điều này!

Vì lẽ này, giáo dục của thánh hiền chẳng có gì khác, [chỉ là] dạy chúng ta khôi phục sự bình thường. Đệ Tử Quy là bình thường, lễ của Nho gia là bình thường! Chỉ có kẻ buông lung, kẻ bất bình thường mới nói những điều này là chẳng bình thường! Thật ra, chính họ bất bình thường! Sau khi đã minh tâm kiến tánh, sẽ tự nhiên chẳng có mảy may bó buộc nào, quyết định tương ứng với Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản của Phật pháp, là nguyên lý và nguyên tắc của tất cả hết thảy giới luật. Luật và pháp tắc đều nhiều đến mấy, chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. Sau khi quý vị đã biết, quý vị mới có thể sanh tâm hoan hỷ, thật sự mong học, trở về tự tánh, trở về tự nhiên. Đây mới là thuần tịnh thuần thiện.

Nay chúng ta học Phật xuất hiện vấn đề, vấn đề là do chúng ta chẳng học những quy củ ấy từ bé, đã tiêm nhiễm những tập tánh bất thiện. Câu kệ tiếp trong Tam Tự Kinh là “*tánh tương cận, tập tương viễn*” (tánh thì gần giống nhau, do huân tập mà khác xa nhau). “*Tánh tương cận*” hiểu như thế nào? Chẳng khác với Phật, Bồ Tát cho mấy! Phật, Bồ Tát là tự tánh hoàn toàn lưu lộ. Nếu chúng ta biết trở về tự tánh, sẽ chẳng khác Phật, Bồ Tát, [cho nên là] “*tương cận*”. Nếu không biết trở về tự tánh, sẽ tùy thuận tập khí phiền não, ngày càng xa cách Tánh Đức. Chúng ta có thể nói, dùng mười pháp giới để nói, tứ thánh pháp giới là gần với tánh, chúng sanh trong lục đạo do huân tập mà xa cách. Nhìn từ chỗ này, quý vị sẽ hiểu rất rõ ràng, “*tập tương viễn*” (do huân tập mà xa cách). “*Tương viễn*” sẽ phiền phức! Chư vị biết chúng sanh trong lục đạo sanh tử luân hồi từ vô lượng kiếp đến nay chẳng thoát ra được, chẳng có lúc nào mong thoát ra được! Đó là chuyện khổ sở, khổ chẳng thể nói nổi. Mê quá sâu, mê quá nghiêm trọng. Vì thế, thánh nhân đã từ chỗ này mà hưng khởi sự giáo dục chúng sanh. Vì sao phải có giáo dục? “*Cầu bất giáo, tánh nãi thiên*” (nếu chẳng dạy, tánh sẽ bị thay đổi), “*thiên*” (遷) là thay đổi, biến thiên. Vì thế, nhất định phải dạy!

Mục đích của việc dạy dỗ là gì? Trở về tự tánh! Do vậy, trong nền giáo dục truyền thống của Trung Hoa, trong nền giáo dục của Phật, Bồ Tát, những quan niệm cốt lõi chẳng hề biến đổi: Giúp cho hết thảy chúng sanh từ tập tánh trở về bản tánh. Nếu nói theo Nho gia, sẽ là từ bất thiện trở về bản thiện, bản tánh vốn lành! “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành). Từ hết thảy bất thiện trở về bản thiện; đây là giáo dục. Nói theo Phật pháp, sẽ là từ tập tánh trở về bản tánh. Tông chỉ giáo dục hiện thời không nhắc tới điều này, hiện thời hoàn toàn nói theo tập tánh, chẳng biết có bản tánh, chẳng biết có bản thiện. Cái thiện trong hiện thời là gì? Ích kỷ là thiện, tôn người lợi mình là thiện. Đây là điên đảo! Kinh Phật thường nói “*điên đảo làm loạn, là kẻ đáng thương xót*”.

Kẻ ra đời này chúng tôi hết sức may mắn, có thể thân cận những vị thầy tốt, có thể gặp gỡ chánh pháp, chính mình cũng khéo học, cả đời xác thực là như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói, sống “*hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Sự hưởng thụ cao nhất trong đời người chẳng phải là địa vị cao, cũng chẳng phải là có của cải, chẳng liên quan những thứ ấy! Đó là sự vinh hoa, phú quý trong cõi đời, là mạng! Giáo dục thánh hiền nhằm cải tạo vận mạng, chẳng nhằm dạy quý vị cầu vinh hoa, phú quý. Vì sao? Quý vị có cái tâm cầu vinh hoa, phú quý; tâm ấy là tâm phiền não, là tâm tham! Cầu chẳng được, bèn sân hận, nói chung sẽ đọa lạc trong tham, sân, si. Hễ đọa lạc trong tham, sân, si, dẫu được vinh hoa, phú quý, quý vị chẳng lìa khỏi phiền não, cái tâm chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, quý vị chẳng vui sướng. Trở về tự tánh, trở về bản thiện, dẫu sống cuộc đời rất bản cùng, vui sướng lắm! Quý vị thấy Nhan Hồi chính là một tấm gương tốt nhất. Xác thực là đã “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui ư? Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?) Sống cuộc đời gì vậy? Cuộc sống vui sướng chẳng liên quan đến cuộc sống vật chất; đấy mới là thật sự tìm được cuộc sống chân thật.

Còn như địa vị, quyền thế, hãy tùy duyên. Hễ có duyên phận thì cũng phải làm. Nếu quý vị chẳng làm, sẽ có lỗi đối với người khác. Trong lịch sử Trung Hoa, Gia Cát Lượng là một thí dụ rất tốt. Gia Cát Lượng học tốt đẹp, trở về tự tánh, nhạt mông danh lợi. Lúc trẻ bèn tự mình cày cấy, ở trong lều tranh, gắng gượng sống qua ngày. Lưu Bị ba lượt đến viếng lều tranh, mời Gia Cát Lượng lìa núi. Duyên đã chín muồi, chẳng thể không đi. Đi để làm gì? Vì quốc gia phục vụ, vì nhân dân phục vụ. Vứt bỏ sự hoàn cảnh sống thoải mái và an lạc của chính mình để bận lòng [vì đại chúng]. Đây là nói “*hễ có duyên thì quý vị phải làm; chẳng có duyên đừng nên cầu*”. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, mà thánh nhân thế gian cũng dạy chúng ta “*tùy duyên, đừng phan duyên*”, quý vị sẽ tự tại. Kẻ mê mất tự tánh hằng ngày phan duyên, hằng ngày có cầu, tham lam chẳng chán, lẽ nào kẻ ấy chẳng khổ cho được? Quý vị đừng thấy kẻ ấy có tiền, có địa vị rất cao [mà ao ước], cuộc sống của kẻ ấy chẳng vui sướng đâu nhé! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ tiếp theo, tức là bài kệ thứ sáu:

(Kinh) Nhược tu u Quán, đương nguyện chúng sanh, kiến như thật lý, vĩnh vô quai tránh.

(經)若修於觀。當願眾生。見如實理。永無乖諍。

(Kinh: Nếu tu tập Quán, nguyện cho chúng sanh, thấy lý như thật, vĩnh viễn không chống trái, tranh chấp).

Thiền Định còn gọi là Chỉ Quán. Định là Chỉ, Quán là Huệ, mà cũng là Chiêu, tức quán chiếu. Chỉ và Quán thường được coi là Thể và Dụng lẫn cho

nhau. Chỉ là Thễ, Quán là Dụng; Quán là Thễ, Chỉ là Dụng; hai thứ này giúp nhau thành tựu. Tôi cũng đã thừa bầy cùng các đồng học: Lúc tôi mới học Phật, ngày đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, Ngài đã truyền trao pháp môn này cho tôi, nhưng Ngài chẳng dùng danh từ Phật giáo. Khi đó, tôi vừa mới học Phật, [nếu Ngài] dùng danh từ Phật giáo, tôi sẽ chẳng hiểu được, Ngài giảng giải cũng rất mất công, phải tốn rất nhiều lời lẽ để giải thích những danh tướng ấy. Đây là chỗ cao minh của thầy, Ngài có thiện phương tiện! Ngài cũng chẳng nói “Định, Quán”, cũng chẳng nói “Định, Huệ”, mà cũng chẳng nói “Chỉ Quán”. Ngài nói gì? “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Kẻ mới học vừa nghe liền hiểu ngay. “*Thấy thấu suốt*” là Quán môn, là trí huệ. “*Buông xuống*” là Định môn, Chỉ môn. Về sau, học Phật dần dần khế nhập cảnh giới, mới hiểu lão nhân gia đã dùng phương pháp quyền biến truyền trao phương pháp ấy cho tôi, “*thấy thấu suốt, buông xuống*”!

Vì sao tâm con người chẳng định? Quý vị chẳng buông xuống! Thật sự buông xuống, sẽ có Định. Quý vị thấy bài kệ thứ năm trong phần trước: “*Đương nguyện chúng sanh, dĩ Định phục tâm, cứu cánh vô dư*” (Nguyện cho chúng sanh, dùng Định chế tâm, rốt ráo chẳng sót), câu này nói hay quá! A La Hán dùng Định để chế phục cái tâm, nhưng như thế nào? Hữu dư! Nghĩa là Ngài đã buông xuống đôi chút, hãy còn có cái chưa buông xuống, đó là “*hữu dư*”. Nay chúng ta học tập, nương theo Thập Thiện Nghiệp Đạo, buông xuống giết, trộm, dâm, nhưng nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ác khẩu chẳng buông xuống; đó là “*hữu dư*”. “*Dĩ Định phục tâm*” (Dùng Định để chế ngự cái tâm), cái “*tâm*” ấy chính là vọng tâm. Theo cách nói của kinh Hoa Nghiêm, nói chung, [vọng tâm] sẽ là cái tâm chấp trước, tâm phân biệt, tâm vọng tưởng, kinh Hoa Nghiêm dạy như thế đó. Buông xuống chấp trước, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, [sẽ là] A La Hán. A La Hán chẳng buông vọng tưởng và phân biệt xuống, nên là “*hữu dư*”, chẳng phải là “*vô dư*”. Bồ Tát cao hơn A La Hán, không chỉ là buông xuống chấp trước, mà phân biệt cũng buông xuống, do vọng tưởng chẳng buông xuống, vẫn là “*hữu dư*”. Pháp Thân Bồ Tát vọng tưởng cũng buông xuống, tức là khởi tâm động niệm cũng buông xuống. Đây gọi là “*phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”, vượt thoát mười pháp giới. Còn có dư hay không? Còn! Tập khí vô thi vô minh chẳng buông xuống.

Đến quả vị nào mới là vô dư? Phải đạt tới Phật quả rốt ráo trong Viên Giáo, mới thật sự là vô dư. Tập khí vô thi vô minh thấy đều đoạn trừ, đó là công phu định lực như thế nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy: Bát Địa Bồ Tát Thiên Định rất sâu, trông thấy các chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức. Bát Địa Bồ Tát trông thấy, Thiên Định sâu ngàn ấy; vì thế, Bát Địa được gọi là Bất Động Địa. Nay người thế gian gọi chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức là “*án tượng*”, án tượng ở nơi đâu? Chẳng thể nói là không có! Những chuyện chúng ta đã làm từ năm ngoái, năm kia, hễ nghĩ tới, dường như là ở ngay trước mặt, án tượng rất sâu đậm. Quý vị gặp kẻ khác, làm chuyện gì, hoặc đi du lịch bên ngoài, đi chơi xa, hễ nói tới chuyện ấy, án tượng ngay lập tức nổi lên. Có thể thấy những thứ ấy rốt cuộc ở chỗ nào? Đức Phật dạy, những án tượng ấy đều lưu trữ trong A Lại Da Thức. Vì thế, A Lại Da Thức được gọi là Tạng Thức, Tạng (藏) là cái kho.

Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, có lúc ẩn tượng rất nhạt mỏng. Hễ nhạt mỏng, quý vị sẽ quên bằng. Tuy quên bằng, trong A Lại Da Thức đã có hồ sơ. Quý vị quên khuấy, nó chẳng quên khuấy. Đến lúc nào nhắc tới, quý vị nhớ lại những thứ ấy, đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay. Vì thế, đức Phật dạy mỗi chúng sanh, “*mỗi chúng sanh*” không chỉ là [nói riêng] loài người, mà còn bao gồm súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, hồ sơ tàng trữ trong A Lại Da Thức nhiều lắm. Đức Phật bảo: Nếu chúng có hình thể, nếu chúng là vật chất, vật chất dầu nhỏ đến mấy đi nữa, giống như vi trần, trọn hết hư không đều chẳng thể chứa đựng được. Quý vị biết là chúng nhiều cỡ nào, phức tạp cỡ nào! Vì chúng chẳng phải là vật chất, chúng chẳng có hình tướng. Ai biết? Phật biết, Bồ Tát biết. Bồ Tát tuy biết, tức là Pháp Thân Bồ Tát tuy biết, cũng giống như chúng ta chẳng thấy. Đạt đến Bát Địa mới thấy. Từ Bát Địa trở lên, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, mấy địa vị ấy mới trông thấy!

Do vậy, chúng ta phải có công phu định lực. Công phu định lực không ngừng tăng cường sâu đậm hơn, sâu đậm hơn bằng cách nào? Buông xuống! Điều chúng ta phải làm trong hiện thời là quyết định phải buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, phải buông xuống lòng ích kỷ, phải buông xuống sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần. Tập khí ấy rất sâu, từ vô thủy kiếp tới nay, đối với sự tham nhiễm hưởng thụ ngũ dục, lục trần, nay chúng ta phải làm sao để nhạt mỏng chúng. Trước hết là nhạt mỏng, sau đây, sẽ dần dần dưỡng thành thói quen tự nhiên, chẳng có hứng thú đối với nó thì mới có thể thật sự buông xuống. Quý vị buông xuống càng nhiều, cho thấy công phu định lực của quý vị càng sâu. Phải buông xuống tham, sân, si, mạn, tôi thường nói mười sáu chữ ấy. Mười sáu chữ ấy là nhập môn. Nhập môn gì vậy? Nhập tâm thanh tịnh, nhập tâm bình đẳng. “*Thanh tịnh, bình đẳng*” là Thiên Định; Định khởi tác dụng là trí huệ. Tiểu định, tiểu trí huệ; đại định, đại trí huệ. Đại định rốt ráo vô dư chính là định thuộc về quả địa Như Lai, trí huệ ấy cũng là rốt ráo vô dư, vô lượng vô biên.

Tu hành trong nhà Phật, vô lượng pháp môn nhằm tu gì vậy? Chính là tu chuyện này. Do Định bèn khai Huệ, Huệ là thấy thấu suốt; “*nhược tu ư Quán*” (nếu như tu Quán) được nói trong bài kệ này chính là “*thấy thấu suốt*”. Quý vị đã thấy thấu suốt những gì? Chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. “*Kiến như thật lý*” (thấy lý như thật): Thật (實) là chân tướng, chân thật! Vì sao lữ bình phàm chúng ta chẳng thấy? Trong kinh, đức Thế Tôn đã dạy: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Vọng tưởng là Vô Minh phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não, trong ấy còn có Trần Sa phiền não, tức là phân biệt. Quý vị có những thứ ấy, Thật Tướng sẽ ở chỗ nào? Ở ngay trước mặt, [thế mà] quý vị chẳng trông thấy! Thật Tướng là gì? Thật Tướng là tâm tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy, rốt cuộc vũ trụ là chuyện như thế nào? Vạn vật, chúng sanh và chính mình, những hiện tượng ấy rốt cuộc là chuyện như thế nào? Do đâu mà có? Vì sao có những hiện tượng ấy? Đức Phật đã nói rất rõ ràng chân tướng, tức là chân tướng của sự thật: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm là bản tánh. Tâm có thể hiện, đây là bản năng (本性, năng lực sẵn có của tự tánh). Tự tánh có thể hiện.

Nhưng các hiện tượng trong vũ trụ biến hóa muôn ngàn. Đức Phật dạy, hễ đức Phật nói, sẽ đều nêu thí dụ để nói: [Đức Phật nói về] y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là nêu lên những thí dụ tiêu biểu, nói đại lược. Nói chi tiết, sẽ là vô lượng vô biên pháp giới, chẳng phải là mười pháp giới. Do vậy, trong Hoa Nghiêm, “mười” biểu thị ý nghĩa viên mãn, chẳng phải là một con số. Dùng “mười” để biểu thị sự viên mãn. Rốt cuộc có bao nhiêu? Đức Phật bảo “*chẳng thể nghĩ bàn*”, quý vị chẳng có cách nào suy tưởng, mà cũng chẳng có cách nào nói được, quá ư là nhiều! Quy nạp thành mười loại lớn. Những biến hóa ấy do đâu mà có? Do vọng tâm mà ra! Thực là vọng tâm, tức là chân tâm của quý vị sau khi đã mê bèn nảy sanh biến hóa. Trước khi đã mê, chẳng có biến hóa, chính là Nhất Chân. Sau khi đã mê mới nảy sanh biến hóa!

Mười pháp giới và Nhất Chân pháp giới ở nơi đâu? Ngay trong hiện tiền, Nhất Chân cũng là ngay trong hiện tiền, mà mười pháp giới cũng ở ngay trong hiện tiền. Điều này rất khó hiểu. Nhất Chân là gì? [Nhất Chân là cảnh giới do] người giác ngộ trông thấy, mười pháp giới là do người mê trông thấy. [Nguyên nhân gây nên sai khác] là do giác hay mê. Giống như chúng ta đeo kiếng râm nhìn sắc tướng bên ngoài. Ta đeo kiếng đen, sẽ thấy bên ngoài xám xịt. Kẻ đeo mắt kiếng màu lục, sẽ thấy bên ngoài đều là màu lục. Còn có kẻ đeo mắt kiếng màu đỏ, sẽ thấy bên ngoài toàn là màu đỏ. Kẻ không đeo mắt kiếng sẽ thấy chân tướng, kẻ đeo mắt kiếng chẳng thấy chân tướng. Chân tướng và vọng tướng là một tướng, đều ở bên ngoài. Quý vị hãy lãnh hội từ tỷ dụ này: Chân và vọng chẳng hai, Tánh và Tướng như một, ở ngay trước mặt. Kẻ mê đáng gọi là “*ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ*”.

Ngộ là gì? Ngộ là trong tâm con người chẳng dấy lên một niệm. Đây là ngộ. Hễ dấy niệm bèn mê. Ngày hôm qua, còn có một đồng học hỏi tôi, hỏi một câu. “Mấy cái Không sẽ biến thành một duyên khởi?” Hỏi tôi một câu như thế đó, [người ấy] đến hỏi tôi: Mấy cái Không? Phật pháp nói rất nhiều thứ Không, nói đến hai mươi pháp Không⁷. Chúng ta thường nói là Tam Không, tức Nhân

⁷ Những khái niệm này phát xuất từ kinh Đại Bát Nhã, bao gồm:

1. Nội Không: Sáu căn không có tự tánh.
2. Ngoại Không: Sáu trần không có tự tánh.
3. Nội Ngoại Không: Căn, trần, thức đều không có tự tánh.
4. Không Không: Hết thấy các pháp đều Không, cái Không ấy cũng chẳng có tự tánh.
5. Đại Không: Các pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên đều không có tự tánh.
6. Tiểu Không: Các tướng Tứ Quả của Tiểu Thừa đều chẳng có.
7. Thắng Nghĩa Không: Lý đệ nhất nghĩa cũng là giả danh để diễn tả chân tánh, vốn không tịch.
8. Hữu Vi Không: Phiền não hoặc nghiệp trong tam giới đều là không, vốn chẳng có tướng hữu vi.
9. Vô Vi Không: Ba tướng sanh, trụ, diệt đều là không, vô vi vắng lặng.
10. Tất Cảnh Không: Tướng của hết thấy các pháp hữu vi và vô vi đều là không.
11. Vô Tế Không: Hết thấy các pháp diệt thì chẳng có kết thúc, sanh thì chẳng có khởi đầu, không thể nào đạt được.

Không, Pháp Không, Câu Không. Ông ta hỏi “do mấy thứ Không sẽ biến thành một duyên khởi?” Tôi bảo ông ta:

- Nếu nói đến Chân Không, trong Chân Không chẳng có duyên khởi. Đã rỗng không, còn có duyên khởi chi nữa? Có duyên khởi, sẽ chẳng phải là Không! Duyên khởi do đâu mà có? Ông khởi tâm động niệm, nêu thắc mắc đến hỏi tôi, đó chính là duyên khởi, toàn là một niệm của chính đương sự. Một niệm giác, tâm thanh tịnh, chẳng có vấn đề gì! Quý vị hoàn toàn trông thấy hết thấy chân tướng trong vũ trụ. Vừa mới có một niệm sanh khởi, sẽ mê. Hễ mê thì gọi là “*duyên khởi*”.

Khi sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quý vị động niệm. Khi quý vị chẳng động niệm; những gì mà sáu căn của quý vị tiếp xúc chẳng khác chur Phật Như Lai. Pháp Thân Bồ Tát là như thế đó, tôi thường nói “*sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chẳng động tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước*”, Ngài thấy hết thấy đều là Thật Tướng. Ngài đã thấy “*như thật lý*”, đó gọi là “*kiến tánh*”, tức là minh tâm kiến tánh. Vừa động một niệm, chẳng thấy tánh nữa, mà thấy tướng. Thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị, tướng bên ngoài bèn dấy lên biến hóa, Nhất Chân pháp giới liền biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Đức Phật giảng thật rõ ràng, thật đơn giản, thật minh bạch. Chúng ta gặp khó khăn là khó khăn ở chỗ nào? Chính là chẳng buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; khổ sở ở chỗ này! Đối với chuyện này, đức Phật chẳng làm gì được! Đức Phật chẳng có cách nào trừ bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cho chúng ta được; Ngài chẳng có năng lực ấy! Nếu Ngài có năng lực ấy, chúng ta chẳng cần phải tu hành. Ngài đại từ, đại bi, đương nhiên là sẽ trừ sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não cho chúng ta, chẳng phải là đã thành tựu ư? Bản thân quý vị đã mê, vẫn phải là do chính mình ngộ. Chuyện này ai cũng chẳng thể giúp đỡ được!

Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta là giúp ở chỗ nào? Nói rõ chân tướng sự thật, nêu ra những khuyết điểm của quý vị, dạy quý vị tu học như thế nào, trừ khử những khuyết điểm ấy như thế nào? Do tập khí ô nhiễm quá sâu, quá nghiêm trọng, tuyệt đối chẳng phải là sau khi quý vị đã nghe, sẽ ngay lập tức làm được, chẳng có hạng người ấy đâu nhé! Chúng ta thấy trong lịch sử, Huệ Năng đại sư

12. Tán Không: Hết thấy các pháp nhân duyên giả hợp mà thành, đều không có tướng hòa hợp, trọn chẳng thể được.

13. Vô Biến Dị Không: Hết thấy các pháp vô thường, vô diệt, chẳng biến đổi, chẳng khác biệt, trọn chẳng thể được.

14. Bản Tánh Không: Hết thấy các pháp bản tánh thanh tịnh, lia tánh, lia tướng.

15. Tự Tướng Không: Pháp Ngũ Uẩn hư huyền, chẳng thật.

16. Cộng Tướng Không: Tướng đối lập của các pháp chẳng thường, chẳng diệt, trọn chẳng thể được.

17. Nhất Thiết Pháp Không: Hết thấy các pháp bản tánh vốn là không, trọn chẳng thể được.

18. Bất Khả Đắc Không: Hết thấy các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng có sở hữu, trọn chẳng có tướng để có thể cầu.

19. Vô Tánh Không: Hết thấy các pháp thấy đều hư giả, chẳng có thật tánh.

20. Tự Tánh Không: Hết thấy các pháp, chẳng thường, chẳng diệt, tánh vốn tự không.

được gọi là “*vừa nói liền khai ngộ*”, chúng quả, chúng ta trông thấy một màn [biểu diễn] như thế đó. Nhưng quý vị phải hiểu, quý vị chẳng thấy kinh nghiệm tu hành của Huệ Năng đại sư trong đời đời kiếp kiếp thuở quá khứ! [Do vậy], trong đời này, Ngài mới đơm bông, kết quả chín muồi! Mỗi cá nhân chúng ta và Ngài hoàn toàn chẳng khác gì nhau! Có sao chúng ta chẳng giống như Ngài “vừa được giảng liền đại ngộ”? Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, thời gian tu tập của chúng ta chẳng dài như Ngài; vì thế, Ngài đã chín muồi, chúng ta chẳng chín muồi! Giống như một cái cây kết trái, mỗi trái chín muồi trước hay sau khác nhau. Quý vị thấy người hái quả sẽ hái quả chín trước. Hôm nay đến dưới gốc cây xem mấy quả đã chín, quả còn chưa chín hãy cứ để đó. Ngày mai, ngày mốt lại đến xem, lại có mấy quả đã chín. Có ý nghĩa này!

Kẻ chưa chín muồi cũng rất mong thành tựu, có cách nào hay chăng? Có chứ! Đức Phật đúng là từ bi đến tột bậc, dùng phương pháp gì? Đói nghiệp vãng sanh, cách này quá mầu nhiệm! Sanh về Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta là phàm phu, chẳng đoạn một phẩm phiền não, đói nghiệp vãng sanh. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ là thân phận gì? Thành tựu gì? Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói quá hay! [Ngài nói] nêu bảo quý vị là thánh nhân thì phiền não tập khí chẳng đoạn phẩm nào [nên chẳng thể gọi là thánh nhân được]! Bảo quý vị là phàm phu thì quý vị là bậc A Duy Việt Trí, chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Ngẫu Ích đại sư bảo: “*Nói là gì cũng đều chẳng được! Đây là do được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà gia trì, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái dầu là kẻ hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư*”. Người trong thế giới Tây Phương thọ mạng dài, đức Phật vô lượng thọ, hề sanh vào thế giới Cực Lạc, ai nấy đều là vô lượng thọ. Vì thế, chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị viên mãn rốt ráo trong một đời. Đây gọi là “*pháp môn thành tựu ngay trong một đời*”!

Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Do vậy, cô đại đức nói kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản của kinh Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là Tiểu Bản của kinh Hoa Nghiêm. Cô đại đức đã coi ba bộ kinh ấy thành một bộ, có lý! Thành tựu cuối cùng là quy vào Tịnh Độ. Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Lại còn hướng dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, thấy đều vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy khí tượng đó tráng lệ ngàn ấy! Tỳ Lô Giá Na Phật hoan hỷ, Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng phản đối: “Đồ đệ, học trò của ta đông ngàn ấy, có sao các người dẫn họ đi hết, chẳng để lại một ai?” Bọn phàm phu như chúng ta sẽ chẳng chịu nổi! Vì sao? Có ganh ty, có chướng ngại. Phật chẳng có.

Vì sao dẫn dắt họ sang thế giới Cực Lạc? Đến thế giới Cực Lạc thành tựu mau chóng. Ở trong thế giới Hoa Tạng, thành tựu chậm chạp; chẳng phải là không có thành tựu, có thành tựu chứ! Ví như những vị Pháp Thân Bồ Tát, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tu hành trong Hoa Tạng phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì mới đoạn hết tập khí vô minh. Nếu đến Tây Phương Cực

Lạc thế giới, các Ngài sang đó, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, sang bên đó sẽ nhanh chóng! Vài ngày đã thành tựu, chẳng thể sánh bằng! Vì sao có những vị Bồ Tát chẳng đến đó? Các vị Bồ Tát ấy chẳng biết pháp môn này. Văn Thù, Phổ Hiền không chỉ nói cho họ biết, mà còn dẫn họ theo. Nếu chúng ta biết chân tướng sự thật này, quý vị mới biết pháp môn này thù thắng. Do vậy, chúng ta buông xuống muôn duyên, khẳng khái một mực tu pháp môn này, tôi và chư vị cùng học kinh Hoa Nghiêm, quý vị có hiểu hay không? Chính là học Đại Bản của kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta vẫn là Tịnh Độ Tông, chẳng phải là Hoa Nghiêm Tông.

Nếu đã hiểu rõ, đã minh bạch Lý, há còn có gì đáng để tranh giành? Thế gian này đúng như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, năm lần năm trăm năm sau khi lão nhân gia diệt độ, tức là sau hai ngàn năm trăm năm, nhằm thời đại của chúng ta, chính là thời đại gì vậy? Đấu tranh kiên cố (鬥爭堅固, đấu đá, cãi cọ kiên cố). Quý vị thấy toàn thể thế giới trong hiện thời là cạnh tranh, đấu tranh, chiến tranh, thầy đều đang tranh giành. Tranh gì vậy? Giáo pháp Đại Thừa đã nói hay quá: “*Muôn thứ không đem được, chỉ có nghiệp theo thân*”! Quý vị tranh giành suốt cả đời kiêu nào đi nữa, tạo nghiệp, nhưng thứ gì cũng đều chẳng mang theo được, quý vị chẳng thể đạt được thứ gì! Quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật; hễ liễu giải chân tướng sự thật, sẽ buông xuống muôn duyên, chẳng tranh nữa! “*Quai*” (乖) là trái nghịch chân tướng sự thật, trái nghịch Tánh Đức. Nói nông cạn hơn đôi chút, trong địa vị hiện thời của chúng ta, sẽ là trái nghịch luân lý đạo đức, trái nghịch nhân quả báo ứng. Đây là Quai, toàn bộ đều sai quấy!

Tôi có cơ duyên này, nói thật ra, đều là do Phật, Bồ Tát an bài. Khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư bảo tôi: “*Cả đời anh đều do Phật, Bồ Tát thay anh an bài*”. Tôi nghe nói rất hoan hỷ, điều gì tôi cũng chẳng phải bận lòng, Phật, Bồ Tát đã thay tôi xếp đặt ổn thỏa rồi! Vì vậy, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, luôn có lòng cảm ơn. Thuận cảnh khích lệ tôi học tập; nghịch cảnh sẽ tiêu nghiệp chướng cho tôi. Trước nay chẳng oán trời, chẳng hờn người, luôn cảm ơn. Có cơ duyên là do người khác đến tìm tôi, chẳng phải là vì tôi tìm đến họ, tham dự một số hội nghị hòa bình quốc tế. Tôi tiếp xúc, xem nhiều, nghe nhiều, mới liễu giải nguyên lai xã hội hiện tại có nhiều vấn đề phức tạp ngàn ấy, quá ư là nhiều! Bao nhiêu vị chuyên gia, học giả mở cuộc họp hằng ngày, nhưng chẳng giải quyết được. Tôi hiểu vì sao chẳng thể giải quyết được? Chẳng buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lại nói nông cạn hơn một tí, sẽ là chẳng buông xuống ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng buông xuống hưởng thụ ngũ dục, lục trần, chẳng buông xuống tham, sân, si, mạn!

Có những người đã buông xuống, buông xuống đôi chút, nhưng buông xuống chẳng triệt để, hãy còn thừa sót. Nhưng những vị đã buông xuống ấy, kiến giải cao minh hơn bình phàm, nêu ra những phương pháp cũng rất tốt, nhưng như thế nào? Chẳng làm được. Có ai nghe theo những phương pháp do quý vị đã nói? Nếu như là những người thật sự giác ngộ, [sẽ suy nghĩ] làm thế nào để trừ khử chiến tranh. Nhất định là yêu cầu các quốc gia trên toàn thế giới hãy buông xuống các trang bị quân sự. Mỗi quốc gia đều chẳng cần quân đội nữa, [do vậy], sẽ chẳng

thể có chiến tranh, mọi người đối xử hòa thuận với nhau. Ý kiến ấy khá lắm, hay lắm, nhưng quốc gia nào sẽ chịu nghe lời quý vị? Hy vọng kỹ thuật nguyên tử sẽ dùng vào mục đích hòa bình, chẳng dùng vào chiến tranh. Ai chịu nghe lời quý vị? Đó là lý tưởng, chẳng làm được! Vì thế, căn bản là ở chỗ nào? Căn bản là do chẳng thấy “*như thật lý*”! Như thật lý chính là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, chẳng thấy điều này! Hễ thấy điều này, vấn đề sẽ được giải quyết. Đó gọi là “*lý đắc tâm an*”. Sau khi đã thấy lý như thật, tâm quý vị mới an, mới chẳng dao động, cái tâm sẽ thanh tịnh, sẽ bình đẳng. Chẳng thấy Lý, tư tưởng, kiến giải, quan niệm của quý vị toàn là do tập khí phiền não làm chủ. Nói cách khác, vĩnh viễn là chống trái, tranh cãi, chẳng phải là “vĩnh viễn không chống trái, không tranh cãi”. Vĩnh viễn chống trái, tranh cãi chẳng thể nào gián đoạn.

Thánh hiền lập định giáo dục, các chuyên gia học giả chẳng hiểu rõ, ngộ giáo dục của thánh hiền cũng là một thứ lý tưởng, chẳng thể thực hiện. Nhưng quý vị phải hiểu, giáo dục thánh hiền đã có quá khứ năm ngàn năm, đã thực hiện rồi. Vì thế, một vùng Trung Hoa an định lâu dài suốt năm ngàn năm. Tuy có những lúc động loạn, thay đổi triều đại, thời gian động loạn chẳng dài, thời gian an định vẫn khá dài. Chẳng tìm thấy những điều này trong những quốc gia và những khu vực khác. Hiện thời, xác thực là muốn hóa giải xung đột trên thế gian, khôi phục an định, hòa bình, tôi đề xuất nền giáo dục truyền thống, giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, và giáo dục tôn giáo. Mục tiêu chung cực của bốn loại giáo dục ấy là giúp cho con người từ tập tánh trở về bản tánh. Mục tiêu chung cực là “*kiến như thật lý, vĩnh vô quai tránh*” (thấy lý như thật, vĩnh viễn không chống trái, tranh cãi). Quý vị thấy đấy chính là điều mà nhiều bậc có chí, nhiều vị có lòng nhân trên thế giới hằng ngày mong mỏi, hằng ngày cầu mong.

Ở đây, đức Thế Tôn dạy chúng ta hai câu: “*Tu hành ư Định, nhược tu ư Quán*”. Định và Quán sẽ giải quyết. Định có thể hàng phục vọng tâm, Quán có thể chuyển biến vọng tâm thành chân tâm, giác ngộ. Đã giác ngộ, vọng vốn là chân. Hễ mê, chân biến thành vọng. Giống như tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã làm thí nghiệm với nước, quý vị giác ngộ, tâm yêu thương bèn hiện tiền. Đối với hết thủy vạn pháp, hết thủy người, sự, vật trong toàn thể vũ trụ, thuần là một lòng yêu thương, thuần một niềm cảm tạ, tướng của nước sẽ biến thành đẹp đẽ, thù thắng ngàn ấy. Giác thì hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Khi mê, ích kỷ, tham, sân, si, mạn, nước kết tinh rất khó coi. Kết tinh đẹp đẽ là nước, mà kết tinh xấu xí vẫn là nước. Đẹp và xấu chẳng hai. Nước là khoáng vật. Từ điểm này, quý vị có thể hiểu toàn thể vũ trụ, khắp pháp giới, hư không giới, do một niệm thiện tâm của chúng ta, toàn thể vũ trụ hòa hài. Do một ác niệm của chúng ta, hết thủy chúng sanh đều dấy lên sự chống trái, tranh cãi!

Vì sao chẳng khiến cho thiện niệm được tiếp nối trong mỗi niệm? Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn đã nói rất hay, Ngài dạy thiện ý, thiện tâm, thiện hạnh của chúng ta phải liên tục trong mỗi niệm, vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Ngài lại còn bảo chúng ta, chớ nên có mảy may bất thiện xen tạp. Lời giáo huấn ấy nhằm dạy chúng ta thấy lý như thật, trở về Tánh Đức. Tánh Đức thuần

tịnh thuần thiện, vĩnh viễn chẳng lìa luân lý, đạo đức, nhân quả, vĩnh viễn chẳng rời, vĩnh viễn chẳng có ý niệm cạnh tranh. Cạnh tranh còn chẳng có, đương nhiên là sẽ chẳng có đấu tranh, càng chẳng thể có chiến tranh. Như vậy thì mới có thể thật sự thực hiện thế giới hài hòa, vũ trụ hài hòa. Nếu chúng ta chẳng học tập sự giáo dục này, chẳng thể thực hiện sự giáo dục này, mà hy vọng hóa giải xung đột, tiêu trừ mâu thuẫn, sẽ vĩnh viễn chẳng thể làm được!

Vì thế, trong hiện thời, trên thế giới có phần tử khủng bố, tạo tác những hoạt động khủng bố, đây là trạng thái bệnh hoạn. Người đời phiến não nghiêm trọng dường ấy, tham, sân, si, mạn, trái nghịch luân lý, đạo đức. Trái nghịch luân lý, đạo đức chính là bất bình thường! Phương pháp trị liệu của chúng tôi (những thứ ấy đều là trạng thái bệnh hoạn) nhằm trị cả gốc lẫn ngọn. Trị đằng ngọn bèn dùng lòng khoan dung, tha thứ, [khiến cho] lương tâm của người ta phát hiện; chớ nên dùng lòng báo thù, chớ nên dùng các phương thức bất bình đẳng để đối đãi, chớ nên kỳ thị. Đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận, đây là trị đằng ngọn, chẳng phải là trị đằng gốc. Trị đằng gốc là gì? Trị tận gốc bằng giáo dục Đại Thừa. Phải giúp cho họ minh tâm kiến tánh, thấy lý như thật, ý niệm tranh chấp sẽ vĩnh viễn đoạn trừ, ngay cả cội gốc cũng bị dẹp trừ. Vì thế, ở phương Tây cũng có người thật sự thông hiểu, đã đề ra “*để giải quyết vấn đề trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có Đại Thừa Phật pháp và học thuyết Khổng Mạnh*”. Đại Thừa Phật pháp trị liệu từ căn bản, [kèm thêm] học thuyết Khổng Mạnh nhằm trị đằng gốc lẫn đằng ngọn, có lý lắm! Phương pháp trị đằng ngọn rất hữu dụng, hữu hiệu. Phương pháp trị tận gốc cũng được, nhưng vẫn còn thừa sót, chẳng thể rốt ráo; Đại Thừa Phật pháp mới thật sự là rốt ráo chẳng thừa sót!

Chúng ta có thể nhận biết như thế, mới biết con đường này là đúng, chẳng dễ dàng! Như cư sĩ Bàn Tế Thanh đã nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, chúng ta có thể nói: Nhân duyên hiếm có khó gặp, tuyệt đối chẳng phải là trong mỗi đời khi được làm thân người quý vị đều có thể gặp gỡ! Chẳng dễ dàng! Nay chúng ta được làm thân người, nghe Phật pháp, lại có cơ duyên nghe Tịnh Tông, học Hoa Nghiêm, may mắn khôn sánh, hy hữu khôn sánh! Làm thế nào để thực hiện, để thật sự được thọ dụng? Nhất định là chớ quên trì giới! Niệm Phật thì niệm Phật là tu Định, tu Huệ, Định và Huệ đều thuộc trong niệm Phật. Hiện thời, người niệm Phật trong Niệm Phật Đường đông đảo, nhưng công phu chẳng thể đắc lực, là do nguyên nhân nào? Thiếu mất một thứ; [tức là] đối với Giới, Định, Huệ, do chẳng có Giới, hiệu quả của Định và Huệ bị chiết khấu rất lớn, hiệu quả chẳng rõ rệt. Học Giới từ chỗ nào? Nhất định là từ Đệ Tử Quy, từ Thập Thiện Nghiệp Đạo, sau đây mới từ Tam Quy, Ngũ Giới. Các đồng học tại gia học những thứ ấy là được rồi!

Để giáo dục nhân quả, dùng phim truyền hình sẽ thuận tiện nhất. Đại khái là phim Liễu Phàm Tứ Huấn khoảng một, hai tháng nữa sẽ ra lò, chư vị đồng học có thể xem. Thời gian tối đa là hai tháng nữa. Chúng ta có thể chế thành đĩa CD với số lượng lớn, tổng cộng là hai mươi ba tập, giáo dục nhân quả đấy! Hy vọng mỗi vị đồng học sẽ đem [tài liệu] giáo dục nhân quả này về nhà, thay thế cho những tiết mục giải trí của TV. Tôi mong quý vị sẽ xem mỗi ngày, xem xong một

lượt bèn xem lại từ đầu. Trong quá khứ, tôi đã khuyên các đồng học, khi đó là đọc sách, đọc ba trăm lần, quý vị mới thật sự liễu giải, thông đạt, quý vị sẽ y giáo phụng hành. Hiện thời, hai mươi ba tập phim truyền hình này, hy vọng mỗi đồng học có thể chiếu tối thiểu suốt một năm trong nhà. Tôi không nói số lần, hãy xem hằng ngày, xem bộ phim này suốt một năm. Sang năm, chúng ta còn có Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, năm sau nữa sẽ có An Sĩ Toàn Thư, còn có Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký, đều hết sức hay, có ích cho thân tâm chúng ta. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một,
Tịnh Hạnh Phẩm
Phần 27 hết